

CHƯƠNG XVI

BA MƯƠI KỆ

(*TĪMSATINIPĀṬA*)

§511. CHUYỆN MONG MUỐN GÌ (*Kimchandajātaka*) (J. V. 1)

Vì có sao ngài ở bến sông...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc hành trì ngày trai giới (*Uposatha*).

Một ngày nọ, một số nam nữ cư sĩ đang hành trì ngày trai giới đến nghe pháp và ngồi tại pháp đường. Bậc Đạo sư hỏi xem hội chúng có hành trì ngày trai giới không và khi họ đáp là có, Ngài nói thêm:

– Các ông hành trì ngày trai giới, thật tốt lành thay! Ngày xưa, có những người chỉ nhờ hành trì nửa ngày trai giới mà đạt được vinh quang tột bậc.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, tại thành Ba-la-nại, Vua Brahmadatta cai trị quốc độ rất đúng pháp và là một người sùng đạo, ngài nhiệt tình hành trì mọi thiện sự trong ngày trai giới, giữ đúng giới luật và bố thí. Ngài cũng khuyên các cận thần cùng nhiều người khác giữ hạnh nguyện bố thí, làm phước đức, nhưng vị quốc sư của ngài là một kẻ xấu miệng, ưa gièm pha, tham của hối lộ nên xử án bất công.

Vào một ngày trai giới kia, vua triệu các cận thần lại và bảo họ giữ giới. Vị quốc sư này không thi hành phận sự của ngày trai giới. Vì vậy, trong ngày ấy, lão nhận hối lộ và xử án bất công rồi sau đó đến chầu vua. Sau khi hỏi mỗi vị cận thần xem có giữ giới không, vua hỏi vị quốc sư:

– Này Tôn giả, ông có giữ giới không?

Lão nói dối là có, rồi rời cung vua. Lúc ấy, một vị cận thần khác quở trách lão:

– Chắc chắn ngài chẳng giữ giới.

Lão đáp:

– Ta đã ăn từ sáng sớm, nhưng khi ta về nhà sẽ súc miệng và giữ giới luật, ta sẽ không ăn gì buổi chiều và suốt đêm ta sẽ giữ giới luật, như thế ta cũng giữ được nửa ngày trai giới.

Họ đáp:

– Thừa Tôn giả, thế thì tốt lắm!

Lão đi về nhà và làm đúng như vậy.

Một ngày kia, khi lão đang ngồi xử kiện, một người đàn bà vốn là người giữ đúng giới luật đang gặp chuyện thừa kiện và vì không thể về nhà được, bà ấy nghĩ thầm: “Ta không thể vi phạm hành trì ngày trai giới.” Nên lúc đến gần giờ trì giới, bà ấy bắt đầu súc miệng. Và lúc ấy có người mang vào một mâm xoài chín biểu vị tể sư Bà-la-môn. Lão thấy bà ta đang giữ giới liền bảo:

– Bà ăn đi rồi giữ giới.

Bà ấy vâng theo. Hạnh nghiệp tốt của vị Bà-la-môn kia chỉ nhiều chừng này.

Về sau đó, lão chết đi và tái sinh vào vùng Tuyết Sơn trong một nơi phong cảnh tươi đẹp bên bờ sông Kosikī, nhánh của sông Hằng, trong một khu rừng xoài rộng ba do-tuần, trên một vương sàng nguy nga của một cung điện bằng vàng. Lão tái sinh như thể một người vừa thức giấc liền được phục sức xiêm y, điểm trang lộng lẫy với dung mạo tuyệt vời, lại được mười sáu ngàn tiên nữ châu hầu chung quanh. Suốt đêm trường, lão thọ hưởng vinh quang này vì đã được sinh làm vị thần trong ma cung, phước lộc của lão cũng tương xứng với hạnh nghiệp xưa của lão.

Vì thế khi bình minh đến, lão vào rừng xoài; ngay lúc vừa bước chân vào, thân thể thần tiên của lão biến mất, lão hóa hình thù to lớn như một cây thốt nốt cao tám mươi *cubit*, toàn thân rực sáng như một cây phượng vĩ đang trổ hoa đỏ thắm. Lão chỉ có một ngón tay trên mỗi bàn tay nhưng móng lại to như bàn cuốc; với các móng tay này, lão móc thịt sau lưng, xé thịt mình ra mà ăn rồi đau đớn điên cuồng lên, lão cứ khóc rống thật to. Mãi vào lúc mặt trời lặn, thân hình này biến mất và phong cách thần tiên của lão hiện ra. Các tiên nữ nhảy múa, cầm nhiều nhạc cụ trong tay hầu hạ quanh lão; trong lúc hưởng đại vinh hiển như vậy, lão bước lên tiên cung trong khu rừng xoài diễm lệ.

Như vậy là do kết quả việc tặng trái xoài cho người đàn bà đang trì giới, lão được hưởng một khu rừng xoài rộng ba dặm. Nhưng vì phải thọ lãnh nghiệp quả về việc nhận hối lộ và xử án sai lầm, lão phải xé thịt trên lưng ra mà ăn; đồng thời nhờ việc hành trì nửa ngày trai giới, lão tận hưởng vinh quang mỗi đêm cùng với mười sáu ngàn tiên nữ múa hát hầu hạ quanh mình.

Vào thời ấy, vua xứ Ba-la-nại hiểu rõ tội lỗi do tham dục gây ra nên xuất gia tu hành, ẩn cư trong một thảo am nọ trên một vùng phong cảnh xinh đẹp ở miền hạ lưu sông Hằng, sống khổ hạnh với những vật ngài kiếm được.

Một ngày kia, có quả xoài chín trong rừng ấy bằng cái bát rơi xuống sông Hằng, theo dòng sông đến nơi đối diện với chỗ định cư của vị khổ hạnh này. Trong khi ngài đang súc miệng, chợt thấy trái xoài trôi giữa dòng, ngài liền lội qua lấy nó mang về am, cắt vào nội thất, nơi ngài đốt ngọn lửa thiêng.¹ Sau đó,

¹ Xem *Mv.* I. 24.

khi xẻ xoài ra, ngài chỉ ăn vừa đủ sống rồi gói phần còn lại bằng lá chuối. Ngài cứ ăn dần dần trái xoài như vậy cho đến hết.

Khi đã ăn hết xoài, ngài không thể ăn trái cây nào khác nữa, nhưng bị thói tham ăn của ngon trời buộc, ngài thốt lời thề từ nay chỉ ăn xoài chín mà thôi, liền đến bờ sông nhìn xuống dòng nước, quyết không bao giờ đứng dậy cho đến khi tìm được một trái xoài. Thế là ngài nhịn ăn sáu ngày liền, cứ ngồi đó chờ mong tìm xoài cho đến khi ngài bị khô héo vì nắng gió.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữ thần xem xét sự việc ấy, thấy rõ lý do hành động của ngài và suy nghĩ: “Vị tu khổ hạnh này bị thói tham ăn câu thúc, cứ ngồi đó nhịn đói bảy ngày nhìn xuống sông Hằng. Việc ta chối từ ngài một quả xoài là điều sai lầm, vì nếu không có xoài, ngài sẽ chết, vậy ta sẽ cho ngài một trái.”

Thế là nữ thần liền hiện lên giữa không gian trên sông Hằng và nói với ngài vãn kệ đầu tiên:

1. Vì có sao ngài ở bến sông,
Suốt trong mùa hạ nắng oi nồng,
Bà-la-môn hỡi, người thắm nguyện,
Chủ đích gì ngài vẫn ước mong?

Nhà tu khổ hạnh nghe thế liền đáp lại chín vãn kệ:

2. Bồng bênh trôi nổi ở trên dòng,
Ta thấy xoài kia, hỡi nữ thần,
Vươn cánh tay dài ta lấy quả,
Đem về nhà cất ở gian trong.
3. Ngọt ngào hương vị thật thanh tao,
Ta nghĩ của trời quý giá sao,
Hình dáng đẹp tươi này sánh với,
Chiếc bình lớn nhất khác chi nào.
4. Ta giấu xoài trong lá chuối cây,
Cắt ra từng lát với dao này,
Ít oi thực phẩm, phần ăn uống,
Hợp với đời người đạm bạc đây.
5. Phần ăn dần hết, bớt thềm thường,
Tuy thế lòng ta vẫn tiếc luôn,
Trong các trái nào ta kiếm được,
Ta đều không thấy vị thơm ngon.
6. Héo hắt ta đà mỏi mắt trông,
Xoài ngon ta lượm ở bên dòng,
Sẽ làm ta chết, ta lo sợ,
Chẳng trái cây nào ta ước mong.

7. Vì sao giữ giới đã trình nàng,
Cho dầu ta đang ở cạnh dòng,
Sóng vỗ chập chùng bao loại cá,
Đầy đàn bơi lội cứ tung tăng.
8. Nay ta cầu khẩn nói cho ta,
Chớ sợ hãi rồi bỏ chạy xa,
Hỡi nàng tố nữ là ai đó?
Tại sao nàng lại đến đây mà?
9. Thị nữ chư thiên đẹp tuyệt vời,
Khác nào vàng óng ánh ngời soi,
Xinh như bầy hồ còn thơ dại,
Dọc các sườn non vẫn giỡn chơi.
10. Cũng ở nơi đây cõi thế gian,
Muôn vàn vẻ đẹp lắm hồng nhan,
Song không ai giữa nhân, thiên ấy,
Lại dám khoe tươi với nữ hoàng.
Ta hỏi nữ thần muôn điểm lệ,
Được trời phú mọi vẻ thiên quang,
Xin cho ta biết phương danh tánh,
Nơi chốn xuất thân quý tộc nàng.

Nữ thần liền đáp tám dòng kệ:

11. Trên dòng sông nước thật xinh tươi,
Bên cạnh Hằng giang đạo sĩ ngồi,
Bá chủ ngôi cao ta ngự trị,
Dưới vùng sâu thẳm thủy triều trôi.
12. Cầm quyền ngàn thạch động xung quanh,
Che phủ rừng cây rậm lá xanh,
Từ đó bao dòng tràn ngập chảy,
Hòa theo với sóng nước sông mình.
13. Mỗi khu rừng, mỗi khóm vườn cây,
Đưa đến long cung lắm suối đầy,
Đổ xuống bao nguồn nước xanh biếc,
Ngập dòng bát ngát của ta này.
14. Lệ thường trên các phụ lưu này,
Nhiều trái sinh từ đủ loại cây,
Đào đỏ, chà lả, sung, mít, vả,
Với xoài, người thấy rõ ràng ngay.
15. Trái kia đều mọc mỗi bên bờ,
Rơi xuống vừa tầm với của ta,

- Ta bảo của trời cho chánh đáng,
Danh ta, ai có thể gièm pha?
16. Hiểu thông điều ấy, lắng nghe đây,
Hỡi Đại vương thông tuệ, trí tài,
Chớ đắm tham vào tâm dục vọng,
Bỏ ngay lời nguyện đáng chê bai.
17. Đại vương xưa ngự trị giang sơn,
Nay việc ngài, ta chẳng tán dương,
Muốn chết giữa mùa xuân tuổi trẻ,
Rõ ràng biểu lộ đại điên cuồng.
18. Giáo sĩ, chư thân, quý hiền linh,
Mọi người biết hạnh nghiệp uy danh,
Của ngài, mọi Thánh nhân thanh tịnh,
Dưới thế đã thành tựu hiển vinh,
Quả thấy việc ngài làm trái đạo,
Hiền nhân tất cả biểu đồng thanh.

Tiếp theo đó, vị tu hành ngâm bốn vần kệ:

19. Ai biết đời người thật mỏng manh,
Mọi loài dục giới thoáng qua nhanh,
Không hề nghĩ đến điều sinh sát,
Mà trú an trong mọi hạnh lành.
20. Xưa nàng được hội Thánh tôn vinh,
Là bậc làm công đức sáng danh,
Nay lại giao du nhiều kẻ ác,
Tiếng xấu nàng đang cố tạo thành.
21. Ví ta chết cạnh bên sông nàng,
Hỡi nữ thần dung sắc vẹn toàn,
Tiếng xấu trù lên nàng tất cả,
Khác nào mây phủ giữa không gian.
22. Vậy kiêu tiên hỡi, lão van nàng,
Hãy tránh xa điều ác, sợ rằng,
Mặc lão chết đi, rồi hối tiếc,
Làm trò đàm tiếu giữa trần gian!

Nghe nói vậy, nữ thần đáp lại năm vần kệ:

23. Ta biết ngài thâm kín ước mong,
Và ngài nhẫn nhục thật cam tâm,
Ta cam đành phận làm tỳ nữ,
Đem đến xoài ngon tặng đạo nhân.

Kìa ác dục từ bao thuở trước,
Khó thay bỏ lạc thú phàm trần,
Ngài đã đạt đến tâm thanh tịnh,
Và trí bình an phải giữ luôn.

24. Người nào đã thoát buộc ràng xưa,
Lại bám xiềng gông trước chuyện thừa,
Phóng dật bước vào phi thánh đạo,
Chết chông ác nghiệp mãi luôn mà.

25. Ta tặng ngài điều nguyện khát khao,
Rồi ngài tiêu hết mọi ưu sầu,
Ta đưa ngài đến nơi êm mát,
Ngài sống đời an lạc biết bao.

26. Mây-na, cu gáy, hạc, hồng nga,
Say mật quây quần cạnh khóm hoa,
Từng đám thiên nga cao vút lượn,
Chim đồng, đàn khổng tước kiêu sa,
Cùng nhau hòa tiếng ca êm ái,
Đánh thức rừng cây tỉnh giấc mơ.

27. Hoa nghệ, kadamba rộ bông,
Khác nào rơm rạ ở trên đồng,
Chà là, thốt nốt nồng nàn chín,
Tô điểm chung quanh lưng lảnh chùm,
Và giữa cây cảnh đầy trĩu trái,
Xoài cây sung mãn, hãy nhìn trông!

Vừa ca tụng thắng cảnh kia, tiên nữ vừa mang nhà tu hành đến đó và mời ngài ăn xoài trong rừng này cho đến khi thỏa thích rồi nàng lại ra đi. Nhà ẩn sĩ ăn xoài mãi đến lúc đã hết cơn thèm xong nghỉ ngơi chốc lát. Sau đó, đi loanh quanh thơ thẩn trong rừng, ngài thấy vị thần kia đang lúc chịu khổ sở đau đớn, ngài không còn lòng dạ nào thốt ra lời hỏi han vị ấy, nhưng khi hoàng hôn đến, ngài thấy vị thần kia được các tiên nữ hầu hạ và thọ hưởng vinh quang của tiên giới, ngài liền ngâm ba vần kệ:

28. Suốt đêm hưởng thụ tiệc vui say,
Khăn đội, đeo vòng tay, cổ tay,
Tô điểm thêm trang hoa đẹp đẽ,
Khổ đau phải chịu lúc ban ngày.

29. Hàng ngàn tiên nữ hộ quanh ngài,
Thần lực ngài kia thật đại tài,
Kỳ diệu biết bao quyền biến đổi,
Khổ hình lại hóa cảnh bông lai!

30. Ngài đã làm sao phải đọa đày,
Tội gì ngài hối tiếc ngày nay,
Sao từ lưng nọ nay ngài phải,
Móc thịt mình ăn lại mỗi ngày?

Vị thần kia nhận ra ngài liền bảo:

– Đại vương không nhận ra tiểu thần, nhưng xưa tiểu thần là tế sư của Đại vương. Hạnh phúc này thần được hưởng hằng đêm là nhờ ơn Đại vương. Đó là kết quả hành trì nửa ngày trai giới của thần, còn nỗi thống khổ thần phải chịu ban ngày là kết quả nghiệp ác mà thần đã làm. Vì khi thần được Đại vương cho ngồi ghế phán quan, thần đã ăn hối lộ và phán xét sai trái, thần lại là kẻ xấu miệng, ưa phỉ báng sau lưng người khác nên kết quả việc ác thần đã tạo những ngày đó, nay thần phải chịu khổ đau này.

Nói xong, vị thần ngâm hai vần kệ:

31. Xưa thân thọ hưởng thánh tam kinh,
Song ác nghiệp giam hãm đắm mình,
Việc ác đã làm cho bạn hữu,
Bao năm ròng cuộc sống trôi nhanh.

32. Kẻ nào phỉ báng các tha nhân,
Cứ thích rình mò phá tiếng thơm,
Phải móc thịt mình ăn lại mãi,
Như ta việc ấy hiện đang làm.

Nói xong, vị thần hỏi nhà tu khổ hạnh tại sao đã đến đây. Vị này liền kể hết đầu đuôi câu chuyện của mình. Vị thần lại hỏi:

- Vậy xin thưa ngài, ngài định ở đây hay lại ra đi?
– Ta không muốn ở lại, ta muốn trở về am.

Vị thần đáp:

– Thưa ngài, lành thay, thần sẽ dâng cúng ngài trái xoài chín thường xuyên đầy đủ.

Rồi vị ấy dùng thần lực đưa vị vua ẩn sĩ trở về vùng thảo am, khuyên ngài sống thiểu dục ở đó, yêu cầu ngài phải giữ tròn lời nguyện rồi ra đi. Từ đó, vị thần kia thường xuyên cung cấp xoài cho nhà tu khổ hạnh. Ngài thọ hưởng thứ trái cây ấy, hành trì những pháp môn tu tập để làm phát khởi thiền định và về sau được thọ sanh vào Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư sau khi chấm dứt pháp thoại với các cư sĩ liền thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, nữ thần ấy là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và ẩn sĩ khổ hạnh chính là Ta.

Vào lúc kết thúc các sự thật một số người đạt Sơ quả (Dự lưu), một số người đạt Nhị quả (Nhất lai), lại có một số người khác đạt Tam quả (Bất lai).

§512. CHUYỆN BÌNH RƯỢU (*Kumbhajātaka*)² (J. V. 11)

Ai từ thiên giới, hiện trên không...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về việc năm trăm nữ nhân, các vị thân hữu của bà Visākhā (Tỳ-xá-khư) là những kẻ uống rượu nồng.

Lúc bấy giờ, chuyện kể rằng có một tửu hội được tổ chức tại Sāvatti (Xá-vệ) và năm trăm nữ nhân này, sau khi đem rượu nồng cho các vị phu quân xong, vào cuối tửu hội lại suy nghĩ: “Chúng ta cũng muốn dự tửu hội.”

Họ liền tìm đến bà Visākhā và bảo:

– Nay Hiền hữu, chúng ta cũng muốn dự hội.

Bà đáp:

– Đây là một tửu hội, còn ta không muốn uống rượu nồng.

Họ bảo:

– Thế Hiền hữu hãy cúng dường đức Phật Chánh Giác, còn chúng tôi muốn dự hội này!

Nàng chấp thuận ngay và để họ đi. Sau khi đã cho người thỉnh bậc Đạo sư và cúng dường Ngài trọng thể, buổi chiều bà đi đến Kỳ Viên, cầm nhiều tràng hoa thơm cùng các nữ nhân kia để nghe thuyết pháp. Bấy giờ, đám nữ nhân kia thèm uống rượu cùng khởi hành với bà nên lúc đứng tại cổng, họ uống rượu nồng rồi cùng bà Visākhā đến yết kiến bậc Đạo sư.

Bà Visākhā đánh lễ bậc Đạo sư và cung kính ngồi qua một bên. Vài người đàn bà trong bọn ấy dám múa ca ngay trước mặt bậc Đạo sư, có người lại lấy tay, chân làm những cử chỉ thô lỗ, có người còn cãi nhau nữa. Bậc Đạo sư muốn gây chấn động cho họ liền phóng ra một tia hào quang từ chân mày của Ngài. Tiếp theo đó bầu trời tối đen kịt. Bọn nữ nhân kinh hoàng sợ chết vì thế tỉnh rượu ngay.

Bậc Đạo sư biến mất khỏi bảo tòa Ngài đang ngồi, xuất hiện trên đỉnh núi Tu-di và phóng ra một tia hào quang từ giữa chân mày, rực rỡ chẳng khác nào ngàn vàng trắng hiện. Trong lúc đứng đó, bậc Đạo sư nói lên kệ này để gây kinh động cho đám nữ nhân kia:

Ở đây nào phải chốn vui cười,
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời,
Sao mãi chìm thân trong bóng tối,
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi.³

² Xem Kv. 1, *Puggalakathā* (Vấn đề hiện hữu của một thực ngã).

³ Xem Dh. v. 146.

Câu kệ vừa chấm dứt, cả năm trăm nữ nhân đều đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư lại xuất hiện trên bảo tòa dành cho đức Phật chỗ bóng mát của hương phòng. Lúc ấy, bà Visākhā đánh lễ Ngài và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, việc uống rượu mạnh phát xuất từ đâu đã phá hỏng tâm và quý của con người?

Đề trả lời bà, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì quốc độ Ba-la-nại, có người thợ rừng tên gọi Sura, sống ở quốc độ Kāsi, đến vùng Tuyết Sơn đi tìm hàng buôn bán. Ở đó, có một cây mọc lên cao vừa tầm vóc người giơ hai tay lên đầu và chia làm ba nhánh, giữa cái chĩa ba này là một lỗ lớn bằng bình rượu, khi trời mưa lỗ này đầy nước. Chung quanh cây này có hai cây āmalaka (am-ma-lặc) và một bụi tiêu, khi trái chín được cắt xuống lại rơi vào lỗ này. Không xa cây này lại có một ruộng lúa tự mọc lên. Chim sẻ mổ lúa ăn đến đậu trên cây này. Trong lúc chim ăn, lúa và gạo sạch trấu rơi xuống đó, chỗ ấy nước lên men dưới ánh nắng mặt trời nên có màu đỏ như máu. Mùa nắng, từng đàn chim khát nước, uống nước ấy và say sưa ngã xuống dưới gốc cây, sau khi ngủ một lát lại bay đi, kêu chiêm chiếp rất vui tai. Việc này cũng diễn ra với các loài chó hoang, khỉ và nhiều dã thú khác nữa. Người thợ rừng thấy vậy nghĩ thầm: “Nếu đây là thuốc độc thì chúng chết hết rồi, nhưng còn đây sau một giấc ngủ ngắn, chúng bay đi như ý muốn, vậy không phải là thuốc độc.”

Gã uống thứ nước ấy và lúc say rượu, gã thấy thèm ăn thịt liền nhóm lửa lên, giết chim trĩ và gà gô vừa ngã gục dưới gốc cây, gã nướng thịt trên đám lửa hồng rồi một tay gã múa may, tay kia cầm thịt ăn, gã ở lại chỗ đó một, hai ngày.

Bấy giờ, không xa nơi ấy, có một vị ẩn sĩ tên gọi Varuṇa, nhiều lúc gã thợ rừng đến viếng ẩn sĩ, gã nghĩ thầm: “Ta sẽ uống thứ rượu này với vị ẩn sĩ ấy.”

Gã đổ đầy nước vào một ống sậy cùng một ít thịt nướng, rồi gã đi đến am tranh và bảo:

– Thưa ngài, xin ngài thử nếm rượu này!

Hai người cùng uống rượu và ăn thịt. Vì thứ rượu này do Sura và Varuṇa phát hiện nên được đặt tên theo đó là rượu Surā và Varuṇī. Cả hai suy nghĩ: “Đây là cách sử dụng rượu này.” Họ đổ đầy nước vào ống sậy, gánh đi đến làng lân cận, dâng sớ tâu vua rằng có vài người lái buôn rượu đã đến. Nhà vua cho triệu họ vào và họ dâng rượu lên. Nhà vua uống rượu hai, ba lần là say mềm. Rượu này chỉ đủ dùng chừng hai, ba ngày, sau đó vua hỏi còn rượu không. Họ bảo:

– Tâu Đại vương, còn.

– Ở đâu thế?

– Tâu Đại vương, trong vùng Tuyết Sơn.

– Thế đem rượu về đây.

Họ đi tìm rượu kia chừng hai, ba lần rồi suy nghĩ: “Ta không thể đến đó mãi.”

Họ nghiên cứu các thành phần chế tạo rượu ấy và bắt đầu dùng thứ vỏ cây kia, họ đổ thêm các thứ kia vào và làm rượu ngay tại kinh thành. Dân trong thành uống rượu say, trở thành những kẻ khờ cùng lười biếng. Vùng ấy trở nên một kinh thành hoang vắng.

Các lái buôn rượu bỏ đi đến Ba-la-nại, dâng sớ tâu nhà vua xin trình báo họ đến thành. Nhà vua triệu họ vào, trả tiền cho họ và họ lại làm rượu tại đó. Thành ấy cũng hoang tàn như kiểu trên. Sau đó, họ đến Sāketa, từ Sāketa họ đến Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, có vị vua mệnh danh Sabbamitta ngự tại Xá-vệ. Nhà vua tỏ ra ưu ái họ và hỏi họ muốn gì. Khi họ báo: “Chúng tôi muốn có các vật liệu chính cùng gạo xay và năm trăm chiếc bình”, nhà vua ban đủ mọi thứ họ xin.

Thế là họ cất rượu trong năm trăm bình kia và họ cột một con mèo vào một bình rượu để canh giữ. Khi rượu lên men và bắt đầu phun ra, bảy mèo uống rượu mạnh chảy ra từ trong bình cho đến khi say mềm, chúng nằm xuống ngủ, bọn chuột đến gặm tai, mũi, răng và đuôi mèo. Quân cận thần đến tâu vua:

– Bảy mèo đã chết vì uống rượu.

Nhà vua phán:

– Chắc chắn hai gã kia đã làm thuốc độc.

Rồi vua ban lệnh chém đầu họ. Và khi phải chết, họ còn la lớn:

– Là rượu, tâu Đại vương; là mật lên men, tâu Đại vương!

Nhà vua sau khi xử tử bọn kia rồi, ra lệnh mở các bình ra. Còn bảy mèo, khi tác dụng rượu đã hết, tỉnh dậy đi lại chơi đùa. Các cận thần thấy vậy liền tâu vua. Vua bảo:

– Nếu đó là thuốc độc thì chúng đã chết hết rồi, chắc đây là mật lên men, ta phải uống mới được.

Thế là vua ra lệnh trang trí kinh thành, dựng ngôi đình trong sân châu và ngự vào đình nguy nga trên ngai vàng có lọng trắng che đầu với các cận thần châu quanh, nhà vua nhập tiệc uống rượu.

Lúc ấy, Thiên chủ Đê-thích bảo:

– Có ai dưới trần là những kẻ phụng dưỡng mẹ cha lại tinh cần giữ trọn ba chánh hạnh chăng?

Rồi nhìn xuống thế gian, ngài thấy nhà vua đang ngồi uống rượu nồng, ngài nghĩ: “Nếu vua ấy cứ uống rượu nồng mãi thì toàn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị hủy diệt, ta muốn thấy chắc chắn vua không được uống rượu nữa.”

Thế là đặt bình rượu vào lòng bàn tay, ngài giả dạng một Bà-la-môn, đứng trên không ngay trước mặt vua, kêu lớn:

– Mua bình này đi, mua bình này đi!

Vua Sabbamitta thấy ngài đứng trên không và nói như vậy liền hỏi:

– Bà-la-môn này từ đâu đến đây?

Và nhà vua ngâm vần kệ trò chuyện với ngài:

33. Ai từ thiên giới, hiện trên không,
Mình phóng hào quang rực ánh hồng,
Như chớp ngang trời đang lóe sáng,
Đêm đen kịt chiếu ánh trắng trong.

34. Giữa chốn bao la, lướt nhẹ mình,
Đi đứng trong khoảng chẳng âm thanh,
Lực thần ngài đạt, ôi vi diệu,
Chứng tỏ ngài thần thánh hiển linh!

35. Đạo sĩ, xin cho biết bậc nào,
Vật gì trong ấy, chiếc bình cao,
Giữa không trung giáng trần như vậy,
Chắc muốn bán hàng cho trăm sao?

Lúc ấy, Thiên chủ đáp lại:

– Này nhà vua hãy nghe đây!

Rồi vừa thuyết giảng mọi đặc điểm xấu xa của rượu nồng, ngài vừa ngâm vần kệ:

36. Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường,
Song chuyện xấu xa không kể xiết,
Chứa đầy trong bụng quả cầu tròn.

37. Ai uống, tội thay kẻ đại khờ,
Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ,
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xưa đã nguyện chừa,
Đại đế, xin mua bình rượu nặng,
Đầy lên tận miệng của nhà ta.

38. Rượu vào trí đảo lộn quay cuồng,
Như chú bò ăn cỏ lạc đường,
Tâm trí phiêu diêu người lão đảo,
Múa men, ca hát suốt ngày trường,
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, mua ngay, hỡi Đại vương!

39. Người uống rượu trơ trẽn chạy rong
Khắp thành, như ẩn sĩ trần truồng,

Đến khuya nằm nghỉ liền đâm hoảng,
Quên cả thì giờ phải ngã lưng,
Bình rượu ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân vương!

40. Bơm rượu như người hoảng, múa men,
Ngả nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên,
Tay chân run rẩy, đầu co giật,
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên,
Đại đế, mua đi bình rượu đó,
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.

41. Bơm rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm mồi lửa chó rừng hoang,
Dấn thân tù ngục hay thần chết,
Còn phải chịu hao tổn bạc vàng,
Bình rượu ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân vương!

42. Túy ông mất hết vẻ thanh tao,
Trò chuyện những điều bản thiu sao,
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,
Mọi đảng ô trọc, bệnh lao đao,
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, Quân vương, hãy lấy vào!

43. Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào,
“Thế gian của tớ”, lòng thầm nghĩ,
Chẳng có vua nào sánh kịp đâu!

44. Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,
Ác quỷ nhất gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng,
Ấy nhà cho trộm, điểm dung thân.

45. Dù gia đình có thật giàu sang,
Hưởng thọ kho vô số bảo tàng,
Giữ cửa trời cho phong phú nhất,
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang.

46. Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vừa kho,
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,
Là mầm suy sụp của toàn gia.

47. Túy ông đầy nặng tính kiêu căng,
Phi báng cả hai bậc lão thân,
Thách đồ bà con cùng máu huyết,
Dám làm ô uế mỗi hôn nhân.
48. Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,
Phi báng chồng mình lẫn phụ thân,
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,
Biến thành nô lệ tính điên khùng.
49. Bợm rượu gan liều dám sát nhân,
Sa-môn chân chính, Bà-la-môn,
Rồi cùng mọi cõi đời đau khổ,
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn.
50. Rượu vào phạm ác nghiệp ba phần,
Lời nói, việc làm với ý tâm,
Địa ngục chìm sâu đầy khổ não,
Vì hành động ác tạo sai lầm.
51. Có kẻ người năn nỉ uống công,
Dù đem dâng mấy đồng vàng, song
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.
52. Ví người say giữ việc thông tin,
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,
Hãy xem, kẻ này thê thốt nặng,
Việc này tâm trí chột quên liền!
53. Ngay người thanh lịch nhất khi say,
Cũng hóa ra phường tục tử ngay,
Đệ nhất Trí nhân mà túy lúy,
Cũng huyền thuyên nói xuẩn ngu đầy.
54. Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi voi,
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,
Lúc nhúc trên trơ như lũ lợn,
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.
55. Như bò bị đánh ngã trên sàn,
La liệt nằm từng đống hỗn mang,
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,
Sức người không thể sánh ngang bằng.
56. Mọi người kinh hoàng vội lùi ra,
Tránh độc dược kia tựa độc xà,

- Dững dĩ to gan nào giải khát,
Cho mình bằng rượu giết người ta?
57. Ta chắc sau khi uống rượu nồng,
Tộc Andhaka với Venḍa,
Lang thang bờ biển rồi nhào xuống,
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.
58. Tiên say bị dọa khỏi cung trời,
Thần lực mất liền, Đại đế ơi!
Ai muốn ném mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi.
59. Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,
Song ngài luôn nhớ mãi từ nay,
Cái gì chứa đựng trong bầu ấy,
Đại đế, xin mua lấy rượu này!

Khi nghe xong bài thuyết giảng trên, vua nhận thấy nổi thống khổ do rượu nồng gây ra nên lòng hoan hỷ, tán thán Thiên đế qua hai vản kệ sau:

60. Chẳng song thân dạy khéo như ngài,
Ngài thật nhân từ, thiện hảo thay,
Chân lý ngài tìm ra tối thượng,
Trăm vâng lời dạy bảo hôm nay.
61. Năm đệ nhất thôn của trăm ban,
Bảy trăm bò, thị nữ trăm nàng,
Mười xe tuần mã thuần cao quý,
Vì lợi ích ngài đã dạy răn.

Đế-thích nghe vậy liền xuất đầu lộ diện, vừa trụ trên không vừa ngâm hai vản kệ:

62. Một trăm thị nữ vẫn nhà ngài,
Làng mạc, đàn bò, cũng mặc ai,
Chẳng ngựa xe, đòi thuần chủng quý,
Sakka Thiên chủ chính danh này.
63. Hưởng đủ bơ tươi, thịt ướp, cơm,
Vui lòng ăn bánh mật men thơm,
Thích nhiều chân lý ta vừa dạy,
Trong sạch cõi thiên đến đứng đường.

Thiên chủ Đế-thích thuyết giáo cho ngài xong lại trở về thiên giới. Nhà vua liền chừa bỏ rượu mạnh và ra lệnh đập vỡ các bình rượu kia. Sau đó, ngài kiên tâm giữ ngũ giới và bố thí, về sau được sinh vào cõi thiên.

Nhưng việc uống rượu mạnh dần dần phát triển khắp cõi Diêm-phù-đề.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là nhà vua kia, còn Thiên chủ Đế-thích chính là Ta.

§513. CHUYỆN VƯƠNG TỬ JAYADDISA (*Jayaddisajātaka*)⁴ (J. V. 21)

Kìa, bảy ngày qua chịu đói lòng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Phần mở đầu cũng giống như chuyện kể trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.⁵ Nhưng vào dịp này, bậc Đạo sư bảo:

– Các Hiền nhân ngày xưa đã từ bỏ chiếc lọng trắng có các vòng kim hoa để phụng dưỡng song thân.

Nói xong, Ngài liền kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, có một vị vua ở kinh thành Uttarapañcāla, trong quốc độ Kampilla,⁶ mệnh danh là Pañcāla. Hoàng hậu của ngài có thai, sinh được một hoàng nam. Trong suốt tiền kiếp xưa, bà có một tình địch trong hậu cung, đang trong cơn nóng giận đã thề:

– Một ngày kia ta sẽ ăn thịt con bà!

Và để lời nguyên kia có công hiệu, nàng biến thành một con quỷ cái. Sau đó, ác quỷ tìm cơ hội chụp lấy hài nhi ngay trước mặt hoàng hậu, nhai ngấu nghiến như miếng thịt tươi rồi biến đi. Lần thứ hai cũng làm y hệt như thế, nhưng đến lần thứ ba, khi hoàng hậu đã vào phòng sinh, đám vệ binh liền canh gác quanh hoàng cung rất chặt chẽ. Vào ngày bà sinh con, quỷ cái lại xuất hiện và chụp lấy hài nhi. Hoàng hậu thét lên:

– Quỷ cái!

Lập tức binh lính cầm khí giới chạy đuổi theo con quỷ cái khi nghe báo động. Vì không kịp ăn thịt hài nhi, quỷ cái chạy trốn, ẩn mình dưới cổng. Hài nhi nhận quỷ cái ấy làm mẹ, ngâm vú đòi bú và quỷ cái kia bỗng sinh lòng thương hài nhi như mẹ thương con liền đi đến nghĩa địa giấu hài nhi trong hang đá và chăm sóc kỹ lưỡng.

Hài nhi lớn dần, quỷ cái đem thịt người về cho nó ăn và cả hai đều sống bằng thức ăn này. Đứa trẻ không biết mình là người, song dù tưởng mình là con của quỷ, cậu bé cũng không thể biến hóa khỏi hình người hay giấu mình được. Để thực hiện việc này, con quỷ đưa cho cậu bé cắt một loại rễ cây. Nhờ công lực của thứ rễ này, cậu biến hình được và tiếp tục sống bằng thịt người. Lúc bấy giờ, quỷ cái có việc đi xa để châu đại lực quỷ vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)

⁴ Xem Cp. 90, *Alīnasattacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Alīnasatta).

⁵ Xem J. VI. 69, *Sāmajātaka* (Chuyện hiếu tử Sāma), số §540.

⁶ Bản CST viết Kapila.

rồi chết luôn tại đó. Còn phần hoàng hậu, lần thứ tư sinh được một hoàng nam bình yên vì quý cái đã chết. Và do sự kiện hoàng nam sinh ra chiến thắng kẻ thù là quý cái kia nên được đặt tên là Jayaddisa (Chiến Thắng).

Khi hoàng tử khôn lớn, học hành tinh thông mọi mặt, chàng lên nắm vương quyền theo nghi lễ giương chiếc lọng trắng và trị vì quốc độ. Vào thời ấy, hoàng hậu của vua sinh hạ Bồ-tát và được đặt tên là Alīnasattu (Dũng Cầm). Khi hoàng tử lớn khôn, tinh thông mọi môn học thuật liền được phong làm phó vương. Còn cậu bé làm con của quý cái vì bất cần làm hư hỏng rễ cây kia nên không thể giấu mình được nữa, phải sống trong nghĩa địa, ăn thịt người nhưng vẫn xuất lộ nguyên hình. Dân chúng thấy vậy sợ hãi, đến kêu than với nhà vua:

– Tâu Đại vương, một con quỷ có hình dạng rõ ràng đang ăn thịt người trên nghĩa địa. Dần dần nó sẽ tìm đường vào kinh thành ăn thịt dân. Xin Đại vương ra lệnh bắt nó đi!

Nhà vua chấp thuận ngay và ra lệnh bắt quỷ nọ. Một đạo binh cầm khí giới đứng quanh thành. Con quỷ ấy trần truồng nom thật khủng khiếp, nhưng lại sợ chết nên hét to và nhảy vào giữa ba quân. Quân sĩ la lên:

– Quỷ đây rồi!

Và họ cũng lo sợ cho mạng sống của họ nên tan rã thành hai nhóm và bỏ chạy. Con quỷ chạy thoát được và ẩn mình trong rừng, từ đó không dám lai vãng ở chỗ có người.

Nó sống dưới gốc cây đa gần con đường lớn xuyên qua rừng. Khi dân chúng qua lại đường đó, nó bắt lấy từng người một đem vào rừng giết ăn thịt. Lúc bấy giờ, có một Bà-la-môn dẫn đầu đoàn bộ hành, đưa một ngàn đồng tiền cho nhóm kiểm lâm rồi đi ngang qua đường ấy với năm trăm cỗ xe. Con quỷ có hình người liền rống lên, nhảy vào đoàn người ấy. Họ hốt hoảng chạy trốn, ngã lăn lóc dưới đất. Quỷ chụp lấy gã Bà-la-môn, nhưng vì bị mảnh gỗ gây thương tích trong lúc đang chạy trốn, lại bị nhóm kiểm lâm đuổi theo rất gắt nên nó thả gã Bà-la-môn và đi đến nằm dưới gốc cây vẫn thường trú ẩn.

Đến ngày thứ bảy, Vua Jayaddisa truyền lệnh đi săn và khởi hành từ kinh thành. Ngay lúc nhà vua lên đường, một người dân vùng Takkasilā là một Bà-la-môn tên gọi Nanda, đang phụng dưỡng cha mẹ, đến yết kiến đức vua, mang theo bốn bài kệ, mỗi bài trị giá bốn trăm đồng tiền. Nhà vua dừng lại để nghe kệ và ra lệnh làm chỗ nghỉ ngơi cho ngài. Trong lúc đi săn, ngài bảo:

– Người nào để con hươu chạy thoát từ phía mình thì phải trả tiền cho vị Bà-la-môn về các bài kệ ấy.

Sau đó, một con hươu sao xuất hiện, chạy thẳng về phía nhà vua để thoát thân. Các cận thần cười rộ lên. Nhà vua chụp lấy kiếm, đuổi theo con hươu chừng ba do-tuần, bắt được nó liền lấy kiếm xẻ đôi và gánh lên đòn.

Lúc trở về, ngài đi đến chỗ quý nhân thường ngồi, nghỉ ngơi một lát trên bãi cỏ kusa rồi định tiếp tục đi. Lúc đó quý nhân xuất hiện và thốt lên:

– Dừng lại, người định đi đâu, người là mối ngon của ta!

Rồi chụp lấy tay ngài, quý ngâm vẫn kệ:

64. Kìa, bảy ngày qua chịu đói lòng,
 Mỗi ngon bỗng xuất hiện sau cùng,
 Phải chẳng danh tiếng người lòng lầy,
 Ta muốn biết tên họ, giống dòng?

Nhà vua kinh hoàng khi thấy quý nhân nên đứng sững như trời trồng, không thể chạy trốn được, song rồi tỉnh trí dần, ngài đáp vẫn kệ thứ hai:

65. Nếu người biết Chiến Thắng là vua,
 Của xứ Pañcāla quốc độ ta,
 Săn bắn trong rừng ta lạc bước,
 Xin đừng hươu nọ thả ta ra.

Con quý nghe vậy liền ngâm vẫn kệ thứ ba:

66. Muốn cứu mạng, ngài đã hiến dâng,
 Mỗi kia ngon thật đầy Quân vương,
 Ta xơi ngài trước và không bỏ,
 Thú nếm thịt hươu, chớ nói quàng!

Khi nhà vua nghe vậy liền nhớ đến Bà-la-môn Nanda và ngâm vẫn kệ thứ tư:

67. Ví ta chẳng thuộc mạng an toàn,
 Được thả như ta khẩn thiết van,
 Thì hãy cho ta tròn hứa cũ,
 Ta đã giao ước Bà-la-môn,
 Sáng mai cứu được lời danh dự,
 Rồi sẽ trở về với quý nhân.

Quý nhân nghe vậy, lại ngâm vẫn kệ thứ năm:

68. Đến gần chỗ chết chẳng an lòng,
 Lo lắng việc gì hỡi Đại vương,
 Nói thật cho ta, rồi có thể,
 Ta bằng lòng thả một ngày rông.

Nhà vua ngâm vẫn kệ thứ sáu để giải thích sự việc ấy:

69. Ta hứa lời cùng một đạo nhân,
 Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong,
 Mong tròn nguyện ước, thanh danh cứu,
 Ta sẽ gặp ngài buổi rạng đông.

Nghe vậy, quý nhân đáp vẫn kệ thứ bảy:

70. Ngài đã hứa cùng một đạo nhân,
 Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong,

Mong tròn nguyện ước, thanh danh cứu,
Rồi trở về đây buổi rạng đông.

Nói xong, con quý để cho vua đi. Vua được tha về liền bảo:

– Xin đừng bận tâm vì ta, sáng sớm mai ta sẽ trở lại.

Rồi ghi nhận một số dấu đường xong, ngài trở lại với đoàn binh sĩ và chúng hộ tống ngài về kinh thành. Sau đó, ngài triệu vị Bà-la-môn vào ban tặng bốn ngàn đồng tiền. Rồi ngài lại truyền đưa vị Bà-la-môn lên ngồi trên một cỗ xe, ra lệnh cho đoàn tùy tùng rước vị này thẳng đến Takkasilā. Ngày hôm sau, nôn nóng đến gặp quý nhân, ngài gọi hoàng thái tử đến dặn dò.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ giải thích việc này:

71. Thoát ác quỷ kia lại trở về,
Nhà yêu, mộng ước đẹp tràn trề,
Với La-môn bạn không sai hứa,
Song dặn Alīnasattu quý tử kia.
72. Vương nhi nay nhận chức Quân vương,
Cai trị bạn thù thật chính chân,
Đừng để bất công làm hại nước,
Cha đành nộp mạng chốn hung thần.

Thái tử nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ mười:

73. Hoàng nhi mong biết rõ nguyên nhân,
Khiến trẻ mất ân lộc phụ hoàng,
Cha phải đưa con lên kế vị,
Thiếu cha, con chẳng thiết ngai vàng.

Nhà vua nghe vậy, ngâm vần kệ tiếp theo:

74. Nay con, cha chẳng thể tìm ra,
Một ác ngôn hay một nghiệp tà,
Song nợ thanh danh giờ trả trọn,
Còn lời nguyên giữ với yêu ma.

Thái tử nghe thế liền ngâm vần kệ:

75. Cha ở lại đây, con sẽ đi,
Trở về an ổn, có mong gì,
Nếu cha đi nữa, con theo gót,
Phụ tử cùng nhau chẳng sống chi.

Nghe lời này, nhà vua đáp kệ:

76. Vương tử, con theo đúng đạo trời,
Song cha mất hết thú yêu đời,

Nếu yêu tình nọ dùng xiên gỗ,
Nướng thịt con ăn trọn cả đời.

Nghe vậy, thái tử lại ngâm vãn kệ nữa:

77. Nếu cha thoát được vuột yêu tình,
Vì Phụ vương, con nguyện bỏ mình,
Hơn nữa, con tràn trề hỷ lạc,
Được đem đời hiến dâng sinh thành.

Nghe vậy, vua nhận thấy đức hiếu thảo của con liền nhận lời cầu mong của con và bảo:

– Tốt lành thay, vương nhi, hãy ra đi!

Thế là thái tử giã từ song thân và rời kinh thành.

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vãn kệ:

78. Thái tử anh hùng, xin vĩnh biệt,
Cúi đầu, ngài đánh lễ song thân.

Lúc ấy, song thân ngài, em gái ngài, vương phi cùng triều thần tiễn ngài ra khỏi kinh thành. Ngài hỏi vua cha lỗi đi và sau khi sắp xếp mọi việc cẩn thận cùng dặn dò khuyên nhủ những người thân, ngài lên đường tiến về hang quý, oai hùng như con sư tử có bờm. Mẹ ngài thấy ngài ra đi, không thể kiềm chế được liền ngất lịm. Vua cha giờ hai tay khóc lớn.

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vãn kệ:

Phụ vương khóc lớn giờ tay cầm,
Hiền mẫu buồn thương ngã lịm dần.

Như vậy, muốn nêu rõ lời nguyện cầu của vua cha và lời thề chân thực của mẹ ngài, em ngài cùng vương phi, bậc Đạo sư ngâm thêm bốn vãn kệ:

79. Khi hình thái tử khuất mờ dần,
Trước mắt thăm sâu của phụ thân,
Cầu nguyện chư thần tay chấp khấn,
Varuṇa với Soma vương,
Phạm thiên, nhật nguyệt, chư thần nữa,
“Bảo vệ hoàng nhi được vạn an,
Nhờ các thần linh này, thái tử,
Mong con thoát ác quỷ kinh hoàng!”

[Mẫu hậu:]

80. Như mẹ Rāma đẹp dáng người,
Cứu con nàng đã bắt tằm hơi,
Khi vào rừng rậm Daṇḍaka ấy,
Con trẻ ta mong giải thoát thôi,

Nhờ khẩn lời chân thành, ước nguyện,
Chư thần cho trở lại an vui!

[Vương muội:]

81. Hoàng huynh chẳng có lỗi làm gì,
Dù lộ rõ ràng hoặc giấu che,
Chứng thực lời này, con nguyện ước,
Chư thần mang thái tử quay về!

[Vương phi:]

82. Vội thiếp, chàng không phạm lỗi làm,
Lòng đầy yêu dấu, hồi lang quân,
Chứng thực lời này, xin ước nguyện,
Thần thánh cho chàng trọn tấm thân!

Về phần thái tử ra đi theo lời hướng dẫn của vua cha lên đường đến nơi quý nhân ở. Song quý nhân nghĩ thầm: “Các vua Sát-đế-ly nhiều mưu mẹo lắm, ai biết được việc gì sẽ xảy ra?” Rồi nó trèo lên cây đợi nhà vua đến. Khi nhìn thấy thái tử, nó nghĩ: “Người con đã ngăn cản vua cha và tự dẫn thân đến. Không có gì phải sợ người ấy cả.” Và quý trèo xuống, ngồi quay lưng về phía thái tử. Khi đến nơi, thái tử đứng trước quý nhân, vừa lúc quý nhân này ngâm vần kệ:

83. Chàng từ đâu đến, hồi hoàng nam,
Có biết rừng này của quý chăng?
Ai đến thật xem thường tính mạng,
Nơi loài quý dữ chiếm làm hang.

Nghe vậy, thái tử bèn đáp kệ:

84. Ta biết rõ ngươi, quý bạo tàn,
Chốn này ngươi ở giữa rừng hoang,
Ta là đích tử Jaya đế,
Ăn thịt ta rồi thả phụ vương.

Quý nhân lại ngâm vần kệ:

85. Ta biết con trai chúa Jaya,
Dáng chàng để lộ việc kia mà,
Thật là gian khổ cho chàng quá,
Phải chết vì thay mạng của cha.

Thái tử liền đáp kệ nữa:

86. Nghĩ rằng chẳng phải việc anh hùng,
Được chết vì ân phước phụ thân,
Và mẹ quý yêu khi bỏ mạng,
Đời đời hưởng cực lạc thiên cung.

Nghe vậy, quỷ liền nói:

– Này thái tử, không có kẻ nào không sợ chết. Thế tại sao chàng lại không sợ?

Ngài liền nói lý do cho quỷ nghe qua hai vắn kệ:

87. Nhớ ta không phạm lỗi lầm gì,
Dù lộ ra ngoài hoặc giấu che,
Sinh tử ta đều cân nhắc kỹ,
Dù đây, hay các cõi sau về.

88. Ăn thịt ta đây, hỡi quỷ nhân!
Phải làm công việc ấy cho xong,
Ta buông mình xuống trên cao chết,
Người cứ ăn ta thỏa nguyện lòng.

Quỷ kia nghe vậy kinh hoàng liền bảo:

– Ta không thể ăn thịt người này được.

Rồi nghĩ mưu kế cho ngài chạy trốn, quỷ liền bảo:

89. Nếu chàng tự nguyện muốn liễu thân,
Thái tử đem đời cứu phụ vương,
Ta bảo chàng rời ngay bước vội,
Tìm gom củ đốt lửa than hừng.

Bạc Đạo sư ngâm một vắn kệ nữa làm sáng tỏ vấn đề này:

90. Hoàng nam anh dũng nhật cây rừng,
Và chất cao lên một cái giàn,
Và thét vừa châm: “Bày tiệc sẵn,
Hãy xem, ta nhóm lửa cho hừng!”

Khi thấy thái tử trở về và nhóm lửa, quỷ nhân nói:

– Người này thật gan dạ, không sợ chết. Xưa nay ta chưa từng thấy ai can đảm như vậy.

Nó ngồi sững sờ, thỉnh thoảng lại nhìn thái tử. Ngài thấy thái độ quỷ nhân như thế liền ngâm vắn kệ:

91. Đừng đứng nhìn ta dằng sững sờ,
Ta cầu người giết bắt ăn ta,
Khi đang còn sống ta trù tính,
Muốn để người ăn thịt đúng giờ.

Quỷ nhân nghe vậy liền ngâm kệ:

92. Một Hiền nhân chánh trực, công bằng,
Chắc chẳng bao giờ phải bị ăn,
Hoặc kẻ nào ăn người ắt hấn,
Đầu kia tan nát bảy phần chẳng?

Thái tử nghe vậy hỏi:

– Nếu người không muốn ăn ta, tại sao người bảo ta bẻ cành về nhóm lửa?

Quý nhân nói:

– Ta muốn thử chàng đó thôi, vì ta chắc chàng sẽ bỏ chạy trốn.

Thái tử đáp:

– Bây giờ làm sao người thử ta được, bởi vì lúc còn là súc sinh, ta đã để cho Thiên chủ thử đức hạnh của ta rồi.

Cùng với lời này, ngài ngâm vần kệ:

93. Đế Thiên giả dạng một La-môn,
 Thỏ lấy thịt mình để cúng dâng,
 Từ đó mặt trăng in đáng thờ,
 Ta chào nguyệt diện dạ-xoa thần!

Quý nhân nghe vậy thả cho thái tử đi về và bảo:

94. N như trắng thoát vượt La thần,
 Chiếu giữa đêm rằm tỏa ánh quang,
 Ngài, chúa Kampilla anh dũng đã,
 Thoát tay quỷ dữ, sáng huy hoàng,
 Bạn đang sâu, bỗng tung hô dậy,
 Trước mặt ngài xuất hiện vẻ vang,
 Phụ mẫu thân yêu, ngài công hiến,
 Bao niềm hạnh phúc ngập hân hoan.

Rồi nó nói thêm:

– Hỡi đáng anh hùng, hãy đi đi!

Và nó để bậc Đại sĩ lên đường. Sau khi đã hàng phục quý nhân xong, ngài còn dạy nó ngũ giới và muốn thử xem nó có phải quỷ không, ngài nghĩ thầm: “Mắt bọn quỷ thường đỏ và không chớp. Chúng không đổ bóng xuống đường và không hề biết sợ gì cả. Còn đây không phải quỷ. Đây là người. Nghe nói, cha ta có ba vương huynh bị quỷ dữ tha đi, hai người ắt hẳn đã bị ăn thịt rồi, còn một người được quỷ cái thương yêu với tình mẹ con. Chắc là đây thôi. Ta phải đem vị này về tâu với vua cha để đưa lên ngôi báu mới được.”

Nghĩ vậy, ngài kêu lên:

– Này Tôn ông, Tôn ông chẳng phải là quỷ đâu mà là bào huynh của vua cha ta. Xin mời Tôn ông đi về, cùng ta giương chiếc lọng trắng biểu hiện vương quyền trong giang sơn của tổ tiên mình.

Khi quỷ nhân đáp:

– Ta không phải là người.

Thái tử nói:

– Tôn ông chẳng tin ta ư? Vậy kẻ nào cho Tôn ông tin được?

Quý đáp:

– Có chứ, ở một nơi nọ có một ẩn sĩ đã thành tựu Thiên nhân thông.

Thế là ngài dẫn quý đến nơi ấy. Vừa trông thấy hai người xuất hiện, vị ẩn sĩ hỏi ngay:

– Hai vị có cùng dòng họ tổ tiên, cần gì mà đến đây?

Nói xong, vị ẩn sĩ lại nói rõ về liên hệ dòng họ giữa hai người. Con quý ăn thịt người liên tin ngay và bảo:

– Nay hiền hữu cứ về triều đi, phần ta, ta sinh ra với hai bản chất trong một hình hài. Ta không muốn làm vua. Ta sẽ đi tu làm ẩn sĩ.

Thế là quý thọ giới tu hành với vị ẩn sĩ ấy. Sau đó, thái tử đánh lễ hai vị và trở về triều.

Bậc Đạo sư ngâm vắn kệ làm sáng tỏ thêm vấn đề này:

95. Alīnasattu, thái tử anh hùng,
Nghiêng mình kính lễ quý nhân hung tàn,
Thêm lần thoát nạn lên đàng,
Về Kampilla xứ, an toàn tấm thân.

Ngâm kệ xong, bậc Đạo sư diễn tả những gì dân thành thị, nông thôn đã làm khi thái tử trở về thành, qua vắn kệ cuối cùng:

96. Từ thành thị đến thôn trang,
Nhân dân lũ lượt lên đàng chen chân,
Kìa, đồng nô nức hô vang,
Uy danh thái tử can tràng hùng anh,
Tượng, xa ngất nghều đăng trình,
Đến ngài đánh lễ, cung nghênh khải hoàn.

Vua nghe thái tử đã trở về liền đi ra ngoài đón ngài. Thái tử được đám đông hộ tống bước đến đánh lễ vua cha. Vua cha hỏi:

– Nay Vương nhi, làm thế nào con thoát được ác quỷ kia?

Ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, vị đó chẳng phải quỷ đâu, chính là bào huynh của Phụ vương, là bá phụ của con đấy.

Ngài liền kể mọi chuyện cho vua cha nghe và nói:

– Vương phụ nên đi thăm bá phụ ngay.

Vua lập tức ban lệnh khua trống lên rồi cùng đoàn tùy tùng lên đường đi thăm hai vị ẩn sĩ. Vị ẩn sĩ tường kể lại đầy đủ chi tiết câu chuyện hài nhi bị quỷ bắt đi ra sao; thay vì ăn thịt, quý cái đem hài nhi về nuôi thành quý nhân, vua và quý liên hệ máu huyết như thế nào. Vua liền bảo:

– Nay Hoàng huynh, hãy về làm vua trị nước!

– Xin cảm tạ Đại vương, không được đâu.

Vua lại nói:

– Thế thì Hoàng huynh đến ở trong vườn thượng uyển, ta sẽ cung cấp đủ bốn thứ vật dụng.

Nhà ản sĩ lại từ chối. Sau đó, vua cho lập ngôi làng trên một ngọn núi không xa nơi ản cư kia, xây hồ, trồng trọt đất đai và đem một ngàn gia đình cùng nhiều của cải đến lập một ngôi làng lớn cùng bố thí, cúng dường cho hai vị ản sĩ. Ngôi làng lớn dần thành thị trấn Cullakammāsadamma. Vùng có quý nhân được bậc Đại sĩ Sutasoma điều phục mệnh danh là thị trấn Mahākammāsadamma.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại xong liền tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình đã đắc quả Dự lưu. Thời ấy, phụ vương và mẫu hậu là hai thân trong hoàng tộc ngày nay, ản sĩ là Sāriputta (Xá-lợi-phất), quý nhân là Aṅgulimāla, vương muội là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), hoàng hậu là mẹ của Rāhula và Thái tử Alīnasattu chính là Ta.

§514. CHUYỆN TƯỢNG VƯƠNG Ở HỒ CHADDANTA

(*Chaddantajātaka*)⁷ (J. V. 36)

Ái hậu mất nhưng đẹp tuyệt trần...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Tỷ-kheo-ni ít tuổi hạ. Một thiện gia tín nữ ở Xá-vệ nhận thấy nỗi khổ đau của cuộc đời thế tục đã xuất gia tu hành. Một ngày kia, nàng cùng các Tỷ-kheo-ni khác đi đến nghe pháp.

Trong lúc đức Phật ngồi thuyết giảng trên bảo tòa uy nghi, nàng chiêm ngưỡng kim thân của Ngài đầy đủ vẻ tối thắng mỹ diệu phát xuất từ công đức vô lượng của Ngài, nàng nghĩ thầm: “Ta không biết trong một đời trước nào ta từng phụng sự là thê thiếp của bậc Vĩ Nhân này chăng?”

Ngay lúc ấy, nàng chợt nhớ lại các đời trước của nàng: “Vào thời tượng vương Chaddanta, ta đã từng làm vợ bậc Vĩ Nhân này.” Tâm nàng tràn ngập hân hoan hạnh phúc khi nhớ lại việc ấy. Trong niềm xúc động sung sướng kia, nàng bật cười lớn và nghĩ thầm: “Ít phụ nữ có thiện ý đối với chồng mình, đa số đều có ác ý cả. Ta không biết xưa kia ta có thiện ý hay ác ý đối với vị này.”

⁷ Tham chiếu: J. II. 198, *Kāśāvajātaka* (Chuyện tám y vàng), số §221; Dh. v. 9-10; Miln. 221, *Chaddantajotipālārabbhapaṇṇha* (Câu hỏi về Chaddanta và Jotipālā); Thag. v. 949-80, *Phussattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Phussa); *Pháp cú kinh* “Song yêu phẩm” 法句經雙要品 (T.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* “Song yêu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

Rồi hồi tưởng lại quá khứ, nàng nhận ra là vì cảm thấy bị đối xử thờ ơ, lãnh đạm nên nàng đã sinh lòng oán hận đại tượng vương Chaddanta có chiều dài một trăm hai mươi *cubit*,⁸ và nàng đã nhờ thợ săn Sonuttara dùng tên tẩm thuốc độc bắn trọng thương để giết ngài. Lúc ấy niềm đau khổ khởi lên, lòng nàng bồn chồn nóng rang, rồi không thể kiềm chế xúc động kia, nàng bật tiếng khóc nức nở.

Thấy thế, bậc Đạo sư nở một nụ cười và khi được hội chúng Tỷ-kheo hỏi:

– Bạch Thế Tôn, duyên cớ gì khiến Thế Tôn mỉm cười?

Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni ít tuổi hạ này vừa khóc khi nhớ lại một tội ác đã từng phạm để hại Ta trong một đời trước.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, có tám ngàn vương tượng nhờ tu luyện thần thông, du hành qua không gian đến an trú gần bên hồ Chaddanta ở vùng Tuyết Sơn. Vào thời ấy, Bồ-tát tái sanh làm con của voi chúa, thân ngài thuần trắng, bàn chân đỏ, da mặt đỏ hồng. Dần dần lớn khôn, ngài cao đến tám mươi tám *cubit* và dài một trăm hai mươi *cubit*. Ngài có cái vòi như cuộn dây thừng bằng bạc dài năm mươi tám *cubit*; bộ ngà có chu vi mười lăm *cubit*, dài ba mươi *cubit*, tỏa ánh sáng lục sắc. Ngài là chúa đàn voi lớn gồm tám ngàn con, thường tôn kính cúng dường các vị Độc Giác Phật. Hai vị chánh cung hoàng hậu của ngài là Cullasubhaddā (Tiểu Hiền Phi) và Mahāsubhaddā (Đại Hiền Phi). Tượng vương với quần thần tám ngàn voi sống trong Kim động.

Lúc bấy giờ, hồ Chaddanta dài năm mươi do-tuần và rộng năm mươi do-tuần. Ở giữa hồ khoảng mười hai do-tuần không hề có cây *sevāla* hoặc *paṇaka* nào mọc nên nước trong như khối ngọc thần. Bao quanh vùng nước này, gần đó là một dải toàn hoa súng trắng tinh khiết rộng chừng một dặm. Kế đó là một dải toàn hoa súng xanh bao bọc rộng chừng một dặm. Tiếp theo đó là loại sen trắng, sen hồng, đèn súng trắng, súng hồng và loại súng trắng ăn được; đám súng trắng chen lẫn các loại súng khác rộng chừng một dặm, cứ mỗi lớp bao quanh các lớp trước. Kế tiếp bảy lớp cây này là một đám súng trắng xen lẫn các loại súng khác cũng rộng chừng một do-tuần, bao quanh tất cả các lớp trước.

Kế đó, trong vùng nước sâu vừa cho voi đứng được là một đám lúa đỏ. Tiếp theo, trong vùng nước bao quanh là những khu rừng cây nhỏ đầy hoa thơm dịu dàng đủ màu vàng, xanh, trắng, đỏ. Như vậy, mười rừng hoa này rộng chừng một do-tuần mỗi thứ. Kế đó là rừng đậu đủ loại. Kế nữa là rừng chen lẫn bìm bìm, dưa, bí, bầu và nhiều cây leo khác. Tiếp theo là một rừng mía cao bằng cây cau. Rồi đến một rừng chuối có quả lớn bằng chiếc ngà voi. Kế đó là một ruộng

⁸ 120 *cubit* tức hơn 50m.

lúa. Rồi đến một vườn mít, trái bằng bình nước lớn. Tiếp theo là một vườn me đầy quả ngon ngọt. Sau đó là vườn táo voi. Rồi đến một rừng cây lớn đủ loại. Kế tiếp là một rừng tre. Vào thời ấy, phong cảnh vùng này tráng lệ như thế. Về kỳ vĩ của thời đó được miêu tả trong *Chú giải Tương ưng bộ* (*Samyuttaṭṭhakathā*).

Song vùng bao quanh rừng tre lại là bảy ngọn núi. Từ phía ngoài cùng là ngọn Tiểu Hắc Sơn. Kế đó là Đại Hắc Sơn, Thủy Sơn, Nguyệt Sơn, Nhật Sơn, Ngọc Sơn và núi thứ bảy theo thứ tự là Kim Sơn. Núi này cao bảy do-tuần, vươn cao lên quanh hồ Chaddanta như đường viền cái chén, vách núi bên trong màu vàng chói. Do ánh sáng tỏa ra từ đó, hồ Chaddanta rực rỡ như mặt trời mới mọc.

Trong số các núi phía ngoài, có một ngọn cao sáu do-tuần, một ngọn cao năm do-tuần, ngọn cao bốn do-tuần, ngọn cao ba do-tuần, ngọn cao hai do-tuần và ngọn chỉ cao một do-tuần. Lúc bấy giờ, phía Đông Bắc góc hồ được bao bọc bằng bảy ngọn núi như vậy, ở một nơi gió thường thổi trên mặt nước có một cây đa lớn mọc lên. Thân cây có chu vi năm do-tuần, cao bảy do-tuần. Bốn cành vươn ra bốn phía rộng sáu do-tuần, những cành mọc thẳng lên cao sáu do-tuần. Như vậy, từ rễ đến ngọn cao mười ba do-tuần, từ đầu ngọn cành cây phía này sang đầu ngọn cành cây phía kia rộng mười hai do-tuần. Cây này sinh ra tám ngàn chồi mọc thẳng tuyệt đẹp chẳng khác nào Ngọc Sơn lồ lộ kia.

Song về phía Tây hồ Chaddanta trong Kim Sơn có Kim động chừng mười hai do-tuần. Tượng vương Chaddanta cùng đoàn tùy tùng tám ngàn voi, về mùa mưa thường sống ở Kim động này; về mùa nóng lại đứng dưới gốc đa lớn kia giữa các nhánh cây để đón gió nhẹ hiu hiu thổi từ mặt hồ nước.

Một ngày kia, quần thần tâu với ngài:

– Đại thọ Sāla vương đang độ nở hoa.

Thế là được đoàn tùy tùng hộ tống, ngài có ý định đi du ngoạn trong vườn Sāla, và khi vừa đến nơi ấy, trán ngài đụng vào một cây Sāla đang nở rộ hoa.

Lúc bấy giờ, nàng Cullasubhaddā đứng theo chiều gió nên một đám cành lá khô cùng kiến đỏ rớt xuống thân nàng. Còn nàng Mahāsubhaddā đứng chỗ khuất gió nên các hoa tươi cùng phấn hoa và cành lá xanh tươi rơi trên thân nàng.

Cullasubhaddā nghĩ thầm: “Ngài để rơi trên mình nàng ái phi của ngài đầy hoa tươi, phấn hoa cùng cành lá xanh, còn trên mình ta, ngài lại làm rớt cả một mớ cành lá khô cùng bầy kiến đỏ lẫn lộn! Được lắm, rồi đây ta sẽ biết cách làm gì!” Và nàng sinh lòng oán hận Bồ-tát từ đó.

Một ngày kia, tượng vương cùng đoàn tùy tùng xuống hồ Chaddanta để tắm. Lúc ấy, hai chú voi dùng vòi cầm các bó rễ cây usira để hầu ngài tắm, chà xát cả thân ngài cao như thể núi Kelāsa. Chúng bước ra khỏi nước, lên đứng trước mặt Bồ-tát.

Sau đó, tám ngàn voi kia xuống hồ vui đùa thỏa thích trong nước, hái đủ loại hoa dưới hồ trang điểm Bồ-tát chẳng khác nào một ngôi đền bằng bạc. Sau

đó, chúng trang điểm cả hai hoàng hậu của voi chúa. Lúc ấy, có một con voi kia bơi quanh hồ, hái một đóa sen lớn bảy chồi dâng Bồ-tát. Ngài dùng vôi cầm hoa sen rải phấn lên trán mình xong đưa tặng hoa cho chánh hậu Mahāsubhaddā. Thấy việc này, nàng tình địch của chánh hậu lại nghĩ: “Hoa sen bảy chồi này ngài cũng tặng cho ái hậu của ngài, chứ không phải tặng ta!” Nàng lại càng sinh lòng căm hờn ngài thêm nữa.

Một ngày kia, khi Bồ-tát đã ướp hoa quả ngon cùng ngó sen và củ sen với mật ong xong, ngài đem cúng dường năm trăm vị Độc Giác Phật thọ thực. Nàng Cullasubhaddā cũng đem các thứ quả rừng nàng đã hái dâng cúng các vị Độc Giác Phật ấy và nàng cầu nguyện như vậy:

– Từ nay, sau khi con lìa trần, ước mong rằng con được tái sanh làm Công chúa Subhaddā trong hoàng tộc của vua xứ Madda, và khi đến tuổi trưởng thành, mong rằng con được vinh dự làm hoàng hậu của vua xứ Ba-la-nại. Lúc ấy, con sẽ đầy vẻ diễm lệ trước mắt ngài, được ngài sủng ái và sẽ có đầy đủ quyền lực thực hiện điều gì con ước muốn. Thế là con sẽ tâu đức vua cho người thợ săn dùng tên độc bắn tử thương voi chúa này. Và như vậy, con ước mong có thể bảo chúng đem về dâng con một cặp ngà tủa hào quang lục sắc kia.

Từ đó, nàng bỏ ăn uống nên héo mòn dần, chẳng bao lâu nàng từ trần rồi tái sanh làm con chánh hậu vua xứ Madda và được đặt tên là Subhaddā. Khi nàng đến tuổi dậy thì, song thân nàng liền se duyên nàng với vua xứ Ba-la-nại. Nàng làm đẹp lòng vua và được sủng ái nên được phong làm chánh hậu giữa mười sáu ngàn phi tần.

Khi nhớ lại các đời trước của mình, nàng nghĩ thầm: “Lời nguyện cầu của ta đã thành tựu, nay ta phải truyền đem bộ ngà voi ấy dâng ta mới được.” Thế là nàng thoa dầu khắp người, mặc áo dơ bẩn nằm lên giường giả vờ bệnh. Nhà vua hỏi:

– Ái hậu Subhaddā của trẫm đâu rồi?

Khi nghe tin nàng bị bệnh, ngài vội vào hậu cung, ngồi bên vương sàng, vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên:

97. Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần,
Nàng xanh xao quá, đáng đau buồn,
Như tràng hoa dưới chân giày xéo,
Vì có sao nàng héo úa dần?

Nghe lời này, nàng liền đáp vần kệ thứ hai:

98. Dường như chuyện thấy ở trong mơ,
Thần thiếp hằng mong mỗi thiết tha,
Mộng ước hảo huyền e khó đạt,
Cho nên lòng thiếp mãi buồn lo.

Vua nghe thế, lại ngâm vần kệ nữa:

99. Những lạc thú nào ở thế gian,
Con người khao khát tận tâm can,
Điều gì mong trầm đắm ban tặng,
Hãy nói trầm nghe ước nguyện nàng!

Nghe vậy, hoàng hậu bảo:

– Tâu Đại vương, ước nguyện của thiếp thật khó đạt thành, thiếp chưa thể nói được ngay bây giờ ước nguyện ấy. Xin cho tất cả các tay thiện xạ trong nước tụ tập về đây, lúc ấy thiếp sẽ nói ra giữa toán thiện xạ ấy.

Và nàng ngâm vãn kệ để giải thích ý nàng muốn nói:

100. Truyền toán thợ săn phụng mệnh ngay,
Những người cư ngụ nước non này,
Điều thần thiếp muốn nhờ tay họ,
Khi diện kiến, xin sẽ giải bày.

Vua chấp thuận, và từ hậu cung ngài ban lệnh cho các đại thần:

– Hãy cho đánh trống ban lệnh rằng tất cả các thợ săn trong quốc độ Kāsi trải dài ba trăm do-tuần này, phải đến tụ tập tại đây!

Họ tuân lệnh, chẳng bao lâu các thợ săn trong quốc độ Kāsi mang tặng vật tùy theo phương tiện của họ, nhờ tâu trình vua họ xin bệ kiến. Lúc ấy, họ đến chừng sáu mươi ngàn người. Vua nghe tin ấy liền đứng trước cửa sổ mở rộng, giơ tay chỉ cho hoàng hậu thấy họ đã trình diện, ngài bảo:

101. Nhìn toán thợ săn dừng cảm đây,
Nghề săn mỗi lão luyện cao tay,
Vớ tài chém giết bày hoang thú,
Vì trầm, sẵn sàng bỏ mạng ngay.

Hoàng hậu nghe thế liền ngâm vãn kệ bảo họ:

102. Lạp hộ can trường tụ tập đây,
Những lời ta nói, lắng nghe vầy:
“Dường như ta thấy trong cơn mộng,
Bạch tượng sáu ngà tuyệt mỹ thay,
Ta ước bộ ngà, lòng khắc khoải,
Chẳng còn gì đáng giá đời này.”

Toán thợ săn nghe nàng nói, đáp lời:

103. Các bậc tổ tiên thuở đã qua,
Sáu ngà voi trắng thấy bao giờ,
Loài gì thú ấy, xin cho biết,
Đã hiện trong mơ của Lệnh bà?

Sau đó, họ lại còn ngâm thêm vãn kệ nữa:

104. Bốn phương Nam, Bắc với Tây, Đông,
Chính giữa bốn miền cũng họp chung,

Thiên đình thêm vào Thiên đế nữa,
 Nơi nào trong thập hướng không trung,
 Tượng vương này ở, xin cho biết,
 Xuất hiện trong mơ của chánh cung?

Nghe nói thế, Hoàng hậu Subhaddā nhìn toàn thể toán thợ săn, thấy trong đó có một người chân lớn, bắp chân phồng to như một cái thúng đựng đầy lễ vật, xương sườn, đầu gối đều vạm vỡ, bộ râu rậm, hàm răng vàng khè, mặt mũi méo mó đầy sẹo, là người thật xấu xí, đồ sộ, nổi bật lên giữa toán thợ săn tên là Sonuttara; trong một đời trước đã từng là kẻ cự thù của Bồ-tát. Nàng liền nghĩ: “Người này có thể làm theo lời ta được.” Và xin phép vua đem gã kia đi lên thượng lầu của cung điện bảy tầng, nàng mở cửa sổ hướng Bắc, chỉ tay thẳng về phía Bắc dãy Tuyết Sơn rồi ngâm bốn vần kệ:

- 105.** Hường Bắc bên kia dãy Thất Sơn,
 Cuối cùng ta đến vách Non Vàng,
 Đỉnh cao thường có loài ma quỷ,
 Hoa tự chân lên ngọn rõ ràng.
- 106.** Dưới núi ma kia lại thấy ngay,
 Xanh um cả khối dáng như mây,
 Một cây đa chứa từ nhiều gốc,
 Sinh tám ngàn cành tráng kiện thay.
- 107.** Trú đây bạch tượng mạnh vô song,
 Có sáu ngàn, quân đội tám ngàn,
 Ngà tựa càn xe tài thiện chiến,
 Hộ phòng, giao đấu tốc như phong.
- 108.** Thở phì, voi đứng mắt trừng trừng,
 Hơi gió nhẹ đưa cũng nổi sân,
 Nếu chợt thấy người gây mảy gió,
 Đùng đùng chúng giẫm nát tan thân.

Sonuttara nghe tả thế, hồn vía bay lên mây, vội đáp vần kệ:

- 109.** Lam ngọc sáng ngời hoặc bảo trân,
 Biết bao trang sức với kim ngân,
 Việc gì Hoàng hậu cần ngà ấy,
 Hay Lệnh bà mong giết thợ săn?

Hoàng hậu lại ngâm vần kệ:

- 110.** Nung nấu lòng ta rầy giận hờn,
 Mỗi lần nhớ lại vết đau thương,
 Cho ta, lập hộ, điều ta ước,
 Làng đẹp năm ngôi sẽ thưởng ơn.

Nói xong, nàng nói thêm:

– Này hiền hữu thiện xạ, ngày trước, khi ta cúng dường các vị Độc Giác Phật, ta dâng lời cầu nguyện rằng ta muốn có đủ thần lực giết con voi sáu ngà kia để chiếm một đôi ngà. Điều này ta không phải chỉ thấy trong giấc mộng mà thôi đâu, đó còn là lời nguyện ta phải thành đạt. Hiền hữu hãy ra đi, đừng lo sợ gì cả!

Nàng nói vậy để trấn an gã. Gã chấp thuận lời nàng và đáp:

– Xin tuân lệnh Hoàng hậu, nhưng trước hết xin Lệnh bà chỉ rõ cho thần biết voi ấy hiện ở đâu.

Và gã hỏi qua vắn kệ:

111. Voi ở đâu, tìm kiếm chốn nào,
Đường voi đi tắm, hướng ra sao,
Nơi nào vương tượng thường bơi lội,
Xin chỉ con đường để bắt mau?

Lúc ấy, nàng hỏi tướng lại đời trước của mình và nhớ rõ địa điểm ấy nên chỉ đường cho gã qua hai vắn kệ:

112. Không xa nơi tắm ấy là bao,
Thăm thẳm hồ sâu diễm lệ sao,
Hoa rộ nở đầy ong bướm lượn,
Đây nơi vương tượng dễ tìm cầu.

113. Tắm mát, cài sen chiếc miện hoa,
Hân hoan voi rảo bước về nhà,
Như cành sen trắng cao vọi vọi,
Theo gót bà hoàng yêu thiết tha.

Sonuttara nghe vậy chấp thuận ngay và thưa:

– Tàu Lệnh bà, tiểu thần xin đi giết voi này và đem về dâng cặp ngà.

Nàng hoan hỷ ban thưởng gã một ngàn đồng tiền vàng và bảo:

– Hiền khanh cứ trở về nhà đã, sau bảy ngày nữa hãy khởi hành đến đó!

Nàng cho gã lui về và triệu tập nhóm thợ rèn lại, truyền lệnh:

– Này các khanh, ta cần một cái rìu, một cái xẻng, một cái khoan, một cái búa, dụng cụ để chặt tre, cái liềm cắt cỏ, một gậy sắt, một cái cọc, một cái chĩa ba bằng sắt. Hãy làm mọi thứ thật gấp rồi đem đến đây ngay!

Nàng lại cho triệu tập nhóm thợ đồ da, bảo họ:

– Này các khanh, hãy làm cho ta một cái túi da đủ đựng đồ vật nặng cỡ một đầu heo lớn; ta lại cần các dây da, các lưới da, đôi giày lớn vừa cho voi mang và một cái dù da để nhảy xuống. Hãy làm mọi thứ thật cấp bách rồi đem lại đây ngay!

Cả hai nhóm thợ rèn và thợ da kia làm gấp mọi vật rồi mang lại cho nàng. Sau khi có đủ mọi vật dụng cần thiết cho cuộc hành trình cùng lửa củi đủ loại,

nàng đặt mọi món trang bị cần thiết như bánh nướng, lương khô... vào túi da. Tất cả nặng cỡ chiếc đầu heo. Còn Sonuttara, sau khi sắp đặt xong xuôi, đến ngày thứ bảy, cung kính diện kiến hoàng hậu. Nàng bảo:

– Này hiền hữu, tất cả mọi hành trang đã hoàn thành, hãy cầm túi da này đi!

Gã này là một tên hạ đẳng lực lưỡng gan dạ, mạnh bằng năm con voi nên cầm chiếc túi kia như thể túi đựng bánh đặt lên sườn rồi đứng lên như thể hai tay không. Nàng Subhaddā trao lương thực cho đoàn tùy tùng của gã và tâu trình vua rồi truyền gã lui ra. Gã đánh lễ vua cùng hoàng hậu xong, xuống thêm cung điện đặt các vật dụng lên một cỗ xe, khởi hành khỏi kinh thành cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, rầm rộ, vượt qua vô số thôn làng tới vùng biên địa.

Lúc ấy, gã bảo dân chúng lui về và tiếp tục đi cùng đám dân cư ngụ trên biên giới cho đến khu rừng. Qua khỏi những nơi có người ở, gã lại cho dân biên giới lui về và một mình gã tiến lên một khoảng ba mươi do-tuần, băng qua rừng cỏ kusa và nhiều cỏ khác rậm rạp, những đám dày đặc rau quế, lau sậy, cây đậu, những khóm gai, mía và cây đu loại; rồi các rừng rậm toàn lau, mía dày, rậm đến độ rắn cũng không thể bò qua được; rồi các rừng cây lớn, tre nứa, những bãi nước lầy, những dãy núi. Gã lần lượt đi qua mười tám vùng tất cả.

Qua rừng cỏ, gã cắt bằng lưỡi liềm; qua các đám rau, gai, tre, nứa, gã mở đường bằng dụng cụ để chặt tre; gã chặt các cây lớn bằng cái rìu; còn các cây cỏ thụ quá lớn, đầu tiên gã phải đục bằng cái khoan.

Sau đó, tiếp tục cuộc hành trình, gã làm một cái thang trong rừng tre và trèo lên ngọn cây, gã đặt một cây tre vừa chặt lên trên bụi tre kế đó, cứ thế gã bò dần qua các đọt tre đến một bãi lầy. Gã lại trải một tấm ván khô trên bùn, bước qua rồi ném một tấm ván khác ra phía trước và cứ như thế đi băng qua bãi lầy. Sau đó, gã lại đóng thuyền để vượt qua một vùng ngập nước, cuối cùng đến đứng dưới chân các ngọn núi.

Gã buộc cái móc sắt có chìa ba vào sợi dây, ném lên cao cho nó dính chặt vào sườn núi. Leo lên sợi dây, gã khoan núi bằng đầu gậy có gắn kim cương, đóng cọc vào lỗ rồi đứng lên đó. Sau đó gã lại kéo cái móc sắt có chìa ba ra đóng vào sườn núi cao hơn trước. Từ nơi này gã để dây da thông xuống xong gã cầm dây trèo xuống, buộc dây vào cọc phía dưới. Rồi tay trái cầm dây, tay phải cầm búa, gã đánh vào sợi dây để kéo cái cọc ra và trèo lên lần nữa.

Bằng cách này gã trèo lên đỉnh núi đầu tiên, rồi bắt đầu đi xuống phía bên kia sau khi đóng cọc vào đỉnh núi đầu tiên như trước đây; xong buộc dây vào túi da và bao quanh cái cọc, gã ngồi vào trong túi da và thả mình xuống bằng cách buông dần cuộn dây như thể nhện nhả tơ vậy. Gã để cho cái dù da bắt gió và hạ xuống nhanh như chim. Tương truyền ít nhất là thế đấy.

Như vậy, bậc Đạo sư kể chuyện gã thợ săn tuân lệnh nàng Subhaddā xông pha từ kinh thành băng qua mười bảy địa giới khác nhau cho đến khi vào tận

miền núi rừng, những cách gã băng rừng vượt qua sáu vùng núi non như thế nào để leo lên đỉnh Kim Sơn:

114. Thợ săn nghe lệnh vững can tràng,
Nai nịt cung tên tiến bước đàng,
Băng vượt bảy tầng non bát ngát,
Cuối cùng đến thượng đỉnh Kim Sơn.
115. Đến núi cao đầy quý ẩn thân,
Khởi gì trước mắt đáng như vân,
Chính cây đa chứa thân to lớn,
Đỡ tám ngàn cảnh tán trải giăng.
116. Trú đây bạch tượng mạnh vô song,
Có sáu ngà, quân đội tám ngàn,
Ngà tựa càn xe, tài thiện chiến,
Hộ phòng, giao đấu tốc như phong.
117. Gần đó, hồ kia nước tận bờ,
Xứng nơi vương tượng lội bơi qua,
Đôi bờ khả ái muôn hoa đẹp,
Ong lượn quanh đây tiếng nhỏ to.
118. Đánh dấu đường đi của tượng vương,
Những khi bơi lội, chí kiên cường,
Gã đào hố, việc làm hèn hạ,
Xúi giục cho vương hậu giận hờn.

Tiếp theo đây là câu chuyện từ đầu đến cuối. Chuyện kể rằng, sau bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, khi đến tận nơi cư trú của Bồ-tát theo cách kể trên, gã thợ săn ghi dấu kỹ nơi ấy và đào một cái hố ở đó, gã bảo:

– Ta sẽ đứng đây và đâm chết voi chúa.

Gã sắp đặt công việc như vậy xong, vào rừng chặt cây làm cột trụ cùng chuẩn bị một số vật dụng khác. Khi đàn voi đến tắm ở nơi voi chúa thường đứng, gã lại đào một hố vuông bằng một cái cuốc lớn, đám đất đào lên gã rải khắp mặt nước như thể gieo hạt và trên đầu các tảng đá hình cối xay gã trồng một trụ, chôn thêm các vật nặng cùng dây da và trải nhiều ván lên trên. Kế đó, gã đào lỗ vừa cỡ một mũi tên rồi ném đất đá, rác rến lên nữa, còn một bên gã làm lối ra vào cho gã.

Thế là khi hố đã xong xuôi, vào lúc tảng sáng, gã buộc một chùm tóc giả trên chòm, mặc hoàng y vào, cầm cung và mũi tên độc, gã bước xuống đứng dưới hố kia.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

119. Che hồ trước tiên đẩy ván dầy,
 Bước vào cung nắm ở trong tay,
 Vừa khi bạch tượng đi qua đó,
 Kẻ ác cho tên dữ vút bay.
120. Voi bị thương gằm rống thảm thương,
 Cả đàn đáp lại cũng gằm vang,
 Ngàn cây nghiêng ngả giày tan cỏ,
 Tán loạn đàn voi chạy thẳng đường.
121. Voi chúa đã gằm giết địch nhân,
 Vì chứng đau đớn hóa điên cuồng,
 Nhưng kia, đôi mắt ngài vừa gặp,
 Biểu tượng thanh cao, chiếc áo vàng,
 Bộ áo tu hành bất khả phạm,
 Ấy điều suy nghĩ của Hiền nhân.

Bồ-tát trong lúc nói chuyện với gã thợ săn, ngâm hai vắn kệ này:

122. Người nào vậy phải tội đầy thân,
 Chẳng chế ngự mình, thiếu thật chân,
 Dù chiếc hoàng y, mình nó mặc,
 Chẳng hòng mong đạt tịnh thanh tâm.
123. Còn kẻ thoát ra mọi lỗi lầm,
 Đầy lòng chân thật, tự điều tâm,
 Vững lòng cương quyết theo công chánh,
 Xứng đáng y vàng khoác tấm thân.

Nói xong, Bồ-tát dập tắt mọi nổi hận sân đối với gã kia và hỏi:

– Tại sao ông bắn ta bị thương? Có phải vì lợi ích riêng hay vì bị kẻ nào mua chuộc?

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

124. Voi trúng tên tàn bạo quỵ chân,
 Trong lòng bình thản, hỏi cừu nhân:
 “Đích gì khi giết nhằm ta thế,
 Cho biết ai xúi giục, bạn thân?”

Kẻ tiếp, gã thợ săn đáp kệ này:

125. Ái hậu Kāsi bậc đại quân,
 Subhaddā bảo đã từng trông,
 Đáng ngài trong mộng và vì thế,
 “Ta muốn ngài kia, hãy kiếm dâng!”

Nghe gã nói điều này, ngài nhận ra đây là việc làm của nàng Cullasubhaddā nên ngài nhẫn nhục chịu đựng đau đớn và suy nghĩ: “Nàng chẳng cần gì đôi ngà của ta đâu, nàng bảo gã đi đến đây chỉ vì muốn giết ta đây thôi.”

Và để làm sáng tỏ việc này, ngài ngâm hai vắn kệ:

126. Kho báu ta mang ở bộ ngà,
Hình hài di tích của ông cha,
Điều này ác phụ am tường quá,
Nên kẻ khốn nhằm đoạt mạng ta.

127. Trước khi ta chết, thợ săn ôi,
Cưa lấy bộ ngà của chúa voi,
Bảo ác phụ kia mừng mãi nguyện,
“Đây ngà, bạch tượng đã lìa đời.”

Nghe ngài bảo vậy, gã thợ săn đứng dậy từ nơi gã đang ngồi, cầm cưa trong tay đi đến gần ngài để cắt đôi ngà. Lúc bấy giờ, vương tượng như một ngọn núi cao tám mươi tám *cubit*⁹ nên không thể cưa được như ý muốn vì gã này không thể lên tới tận đôi ngà. Thấy thế, Bò-tát phải cúi mình trước gã, nằm xuống kê đầu dưới đất.

Lúc ấy, gã mới trèo lên chiếc vòi của Bò-tát, giẫm chân lên đó như thể sợi dây thừng bạc rồi đứng trên trán ngài như thể đỉnh núi Kelāsa. Sau đó, gã nhét chân gã vào miệng ngài, đầu gối gã đập vào da thịt trong miệng ngài, gã bò xuống từ trán ngài và thọc cây cưa vào miệng ngài. Bò-tát chịu đựng nỗi thống khổ hành hạ và miệng ngài ứa đầy máu. Còn gã thợ săn đi loanh quanh chỗ này chỗ kia vẫn không thể nào dùng cái cưa cắt được đôi ngà. Vì thế, Bò-tát để máu rơi ra từ miệng ngài, chịu đựng nỗi đau đớn cực độ, hỏi gã:

– Này Tôn ông, không cưa được sao?

Và khi nghe gã bảo:

– Không.

Ngài liền lấy lại sự bình tĩnh trong tâm, bảo:

– Vậy thì được rồi, vì ta không còn đủ sức đưa chiếc vòi lên, ông hãy nhắc nó lên cho ta và nó sẽ cầm một đầu cưa!

Gã thợ săn làm theo. Bò-tát dùng vòi cầm phía đầu cưa, đưa lui đưa tới và đôi ngà được cắt rời ra ngay như đọt cây. Sau đó, ngài bảo gã cầm lấy đôi ngà và nói:

– Này hiền hữu lập hộ, không phải ta cho ông đôi ngà này vì ta không quý trọng chúng, cũng không phải giống như một người mong ước địa vị của Thiên chủ Đế-thích, Ma vương hay Phạm thiên đâu, nhưng đôi ngà toàn giác còn đáng quý hơn đối với ta gấp cả trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần đôi ngà này và ta

⁹ 88 *cubit* tức gần 40m.

ước mong công đức thiện hành này sẽ làm nhân duyên cho ta chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vừa khi cho gã đôi ngà, ngài hỏi:

– Ông đến đây phải đi mất bao lâu?

– Bảy năm, bảy tháng, bảy ngày.

– Vậy nhờ thần lực của đôi ngà này, ông sẽ về đến Ba-la-nại trong bảy ngày thôi.

Sau khi ngài bảo gã ra đi và trước khi đàn voi kia cùng Hoàng hậu Subhaddā đến nơi, ngài đã qua đời.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc qua vần kệ:

128. Rồi thợ săn cưa lấy bộ ngà,
Từ hàm bạch tượng tối cao ra,
Sáng ngời bảo vật vô song ấy,
Gã bước nhanh chân trở lại nhà.

Khi gã đi rồi, đàn voi không còn thấy bóng kẻ thù trở lại nữa.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

129. Kinh hãi nhìn vương tượng bỏ thân,
Đàn voi vùng tán loạn, hoang mang,
Chẳng tìm thấy vết cừu nhân ác,
Trở lại nhìn vua ngã xuống đàng.

Vương hậu Subhaddā cùng đến với đàn voi, tất cả đều đau đớn than khóc, từ đó đi yết kiến các vị Độc Giác Phật trước kia thường rất thân thiết với Bò-tát và thưa:

– Bạch các Tôn giả, đức vua thường vẫn cúng dường các Tôn giả mọi vật dụng cần thiết đã từ trần vì trúng một mũi tên độc. Xin các Tôn giả đến viếng thi hài của ngài đang được quàng tại nơi kia!

Năm trăm vị Độc Giác Phật liền bay qua không trung, hạ mình xuống vùng đất thiêng ấy vào lúc hai chú voi con lấy ngà nâng thi hài của voi chúa lên để thể hiện dấu hiệu sùng kính các vị Độc Giác Phật rồi nâng thi hài cao đến tận giàn hỏa thiêu và làm lễ hỏa táng. Suốt đêm ấy, các vị Độc Giác Phật tụng kinh trong thánh địa này. Tám ngàn voi ấy, sau khi dập tắt các ngọn lửa liền tắm rửa rồi cùng Hoàng hậu Subhaddā dẫn đầu, trở lại nơi cư ngụ như cũ.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

130. Đàn voi khóc lóc lẫn kêu gào,
Tất cả chất tro đội đỉnh đầu,
Chăm chậm trở về nơi cư trú,
Theo sau hoàng hậu mãi thanh cao.

Còn gã Sonuttara trong bảy ngày đã về tới Ba-la-nại cùng với bộ ngà voi.
Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

131. Thẳng đến Kāsi, gã thợ săn,
Vô song tặng vật, gã vừa mang,
Bộ ngà của chúa voi ngồi chiếu,
Làm mọi tâm hoan với ánh vàng,
Đến trước bà hoàng kia, gã nói:
“Đây ngà vương tượng đã từ trần.”

Bảy giờ khi mang đôi ngà đến dâng hoàng hậu, gã thưa:

– Tâu Hoàng hậu, chúa voi mà Hoàng hậu mang mỗi thù hận trong lòng chỉ vì một lỗi lầm nhỏ nhặt ấy đã bị tiểu thần giết chết rồi.

Nàng kêu lớn:

– Người bảo rằng ngài đã chết rồi ư?

Gã dâng đôi ngà lên và tâu:

– Hoàng hậu cứ tin chắc rằng ngài đã chết, đây là đôi ngà của ngài.

Nàng nhận lấy đôi ngà có sáu sắc hào quang ấy để lên chiếc quạt nạm ngọc của nàng rồi đặt vào lòng, nàng nhìn đôi ngà của voi chúa ngày trước, trong một đời trước đã là vị quân vương ái kính của nàng, nàng nghĩ thầm: “Gã thợ săn này trở về với đôi ngà gã چرا được từ bảo tượng mà gã đã giết bằng mũi tên độc.” Rồi nhớ lại Bồ-tát, lòng nàng bỗng tràn ngập đau thương đến độ nàng không thể chịu đựng được nữa, tim nàng tan nát ra và nàng từ trần ngay hôm ấy.

Bậc Đạo sư ngâm vắn kệ để làm sáng tỏ câu chuyện:

132. Bà hoàng vừa chợt thấy đôi ngà,
Chúa thượng dấu yêu thuở đã qua,
Lòng quá đau thương, tim vỡ nát,
Vì ngài, kẻ gốc hóa ra ma.

133. Khi Đại Trí nhân đủ lực thần,
Mỉm cười trước mắt các Hiền Tăng,
Tức thì Thánh chúng liền suy nghĩ:
“Chư Phật chẳng cười chuyện bỗng dưng!”

134. Ngài bảo: “Các ông thấy nữ nhi,
Lâm Sa-di ấy, khoác hoàng y,
Xưa là hoàng hậu và Ta nữa,
Ngài tiếp: ‘Là voi chúa mất đi.’”

135. Kẻ ác cửa ngà báu trắng tinh,
Vô song dưới thế, ánh quang minh,
Dem về thành phố Ba-la-nại,
Nay chính Đề-bà-đạt đích danh.”
136. Phật-đà với trí tuệ riêng Ngài,
Kể lại chuyện xưa ấy thật dài,
Đủ mọi nỗi buồn đau thống thiết,
Dù Ngài đã thoát hết bi ai.
137. “Ngày xưa bạch tượng chính Ta đây,
Làm chúa voi đông đảo cả bày,
Như vậy chư Tăng, Ta muốn bảo,
Các ông hiểu rõ tiền thân này.”

Các vần kệ trên được các Trưởng lão ghi nhớ để lưu tập lời pháp ngời ca đức hạnh của đấng Thập Lực.

Khi nghe pháp thoại này xong, một số trong đại chúng chứng quả Dự lưu, còn vị Tỷ-kheo-ni ấy về sau nhờ tu tập thiền định đã chứng đắc quả A-la-hán.

§515. CHUYỆN NAM TỬ SAMBHAVA (*Sambhavajātaka*)¹⁰ (J. V. 56)

Trăm chẳng màng ngôi vị đế vương...

Trong lúc trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện này liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ tối thắng. Câu chuyện này sẽ được nêu rõ chi tiết trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.¹¹

Ngày xưa, có vị vua danh hiệu Dhanañjaya Koravya trị vì kinh đô Indapatta ở quốc độ Kuru (Câu-lâu). Bà-la-môn tên Sucīrata là tể sư cũng là quốc sư của ngài trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự. Nhà vua cai trị rất đúng pháp, thực hành bố thí cùng nhiều thiện sự khác. Một ngày kia, ngài chuẩn bị một câu hỏi liên quan việc phụng sự chân lý nên sau khi mời Bà-la-môn Sucīrata an tọa xong, cung kính đánh lễ vị ấy, ngài đưa vấn đề ra hỏi bằng cách ngâm bốn vần kệ:

138. Trăm chẳng màng ngôi vị đế vương,
Sucīrata và thống trị giang sơn,

¹⁰ Xem A. III. 32, *Sumanasutta* (Kinh Sumana); Ap. I. 14, *Sāriputtattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Sāriputta).

¹¹ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (Chuyện đường hầm vĩ đại). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umañgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

- Vì mong trăm đạt thành cao cả,
Ngự trị khắp toàn cõi thế gian.
139. Bằng chánh chân thôi, tránh lỗi lầm,
Bởi vì tất cả đáng quân vương,
Ở trên trần thế cần theo đúng,
Bất cứ điều chân chánh thiện lương.
140. Do đó ta xa lánh lỗi lầm,
Đời này và mãi mãi ngàn năm,
Ta cầu mong được danh vinh hiển,
Ở giữa chư thiên lẫn thế nhân.
141. Nay hỡi tể sư, hãy biết rằng,
Những gì chân thiện, trăm mong làm,
Vậy khi được hỏi, xin cho biết,
Những việc làm nào đúng thiện chân!

Lúc bấy giờ, đó là cả vấn đề cao siêu thuộc phạm vi tri kiến của một vị Phật. Đó là vấn đề ta phải đem ra thưa trình lên đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc nếu không có Ngài thì ta phải trình với một vị Bồ-tát đang mong cầu quả vị Chánh đẳng Chánh giác kia. Còn Sucīrata không phải là một vị Bồ-tát nên không lý giải được vấn đề, vì thế ông không thể làm ra vẻ thông thái mà đành thú nhận sự bất tài của mình qua vần kệ sau:

142. Khái tẩu Đại vương, chẳng có ai,
Ngoài Vidhura ấy đủ thiên tài,
Nói điều kỳ diệu là chân thiện,
Chúa thượng hằng mong thực hiện hoài.

Nhà vua nghe lời này liền phán:

– Vậy Tôn giả hãy đi ngay!

Và vua ban một tặng vật để vị tể sư đem theo, và trong niềm mong mỏi ông lên đường, ngài ngâm vần kệ:

143. Hiền hữu đi ngay lấy phiến vàng,
Đến Vidhura ấy, trăm nhờ mang,
Tặng phần xứng Trí nhân ưu tú,
Dạy trăm điều chân thiện tỏ tường.

Nói xong, ngài cho ông một phiến vàng đáng giá một trăm ngàn đồng tiền dùng để viết lời giải đáp vấn đề lên trên đó, một xe ngựa để đi đường, một đạo binh hộ tống, một tặng vật và bảo ông đi ngay.

Ông ra khỏi thành Indapatta ngay và đi đến Ba-la-nại, trước tiên đến thăm nhiều nơi chốn các bậc Hiền nhân cư ngụ, vẫn không thấy ai trong cả xứ Diêm-phù-đề có thể giải đáp vấn đề được, ông đi dần đến Ba-la-nại. Trong khi nghỉ tại đó, ông cùng vài người tùy tùng đến nhà Vidhura vào giờ ăn sáng. Sau khi

nhờ thông báo việc đến yết kiến, ông được mời vào và thấy Tể sư Vidhura đang dùng điểm tâm tại nhà riêng.

Bậc Đạo sư ngâm vắn kệ thứ bảy để giải thích sự việc này:

144. Bhāradvāja vội vã tiến lên đàng,
Đến gặp Vidhura, thấy bạn vàng,
Ngồi tại nhà riêng, sắp sửa dự,
Bữa cơm thanh đạm sáng tinh sương.

Lúc bấy giờ, Vidhura là bạn thiếu thời của Sucīrata, đã học chung tại nhà một vị giáo sư nên sau khi cùng ăn điểm tâm với nhau, Tể sư Sucīrata an tọa và được Tể sư Vidhura hỏi:

– Hiền hữu đến đây có việc gì?

Tể sư Sucīrata nêu rõ lý do đến đây và ngâm vắn kệ thứ tám:

145. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền hữu Vidhura, cho đệ biết,
Thiện lương, chân chánh phải là đâu?

Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn này đang đeo đuổi công việc sưu tập các dòng tư tưởng của một số người, việc ấy cứ chồng chất lên cao như thể nước lụt sông Hằng dâng tràn, cho nên chẳng có thì giờ giải đáp vấn đề này được nữa. Vì thế, ông ngâm vắn kệ thứ chín nêu rõ trường hợp mình:

146. Tràn ngập chủ đề quá lớn lao,
Như sông Hằng nước lụt tuôn trào,
Ta không thể nói đâu là lẽ,
Chân thiện, hiền huynh đến thỉnh cầu.

Nói vậy xong, ông lại nói thêm:

– Ta có một con trai rất thông minh, cháu ấy còn mẫn tuệ hơn ta nhiều. Cháu sẽ giải thích rõ cho hiền hữu. Vậy hãy đến gặp cháu!

Và ông ngâm vắn kệ thứ mười:

147. Hiền giờ đệ có một con trai,
Tên gọi Bhadrakāra ở giữa đời,
Tìm đến chàng ngay, chàng sẽ nói,
Thiện lương, chân lý rõ cho ngài.

Nghe điều này, Tể sư Sucīrata liền rời khỏi nhà vị Tể sư Vidhura, đến tư thất của Bhadrakāra và thấy chàng đang ngồi ăn điểm tâm giữa những người thân của chàng.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười một làm sáng tỏ vấn đề này:

- 148.** Lúc ấy, Bhāradvāja lại vội vàng
Đến Bhadrakāra gấp tại gia đường,
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thông dong được thấy chàng.

Khi đến nơi, vị tể sư được chàng thanh niên Bhadrakāra tiếp đãi nồng hậu, mời lên sàng tọa cùng nhiều tặng vật. Vừa khi an tọa và được hỏi nguyên cớ đến thăm, ông ngâm vần kệ thứ mười hai:

- 149.** Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng họ Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiện diệt Bhadrakāra, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Lúc ấy, Bhadrakāra đáp lại:

– Thưa Tôn giả, ngay bây giờ, cháu đang có dự mưu dan díu với vợ một người khác, cho nên trí óc không được thư thái để giải đáp vấn đề. Song em trai cháu tên là Sañjaya còn thông thái hơn cháu nhiều. Xin Tôn giả đi hỏi em cháu, vấn đề của Tôn giả sẽ được giải đáp.

Chàng ngâm vần kệ để bảo ông đến đó:

- 150.** Cháu bỏ thịt nai thật ngọt ngon,
Và đang theo đuổi tắc kè con,
Làm sao có thể nào thông hiểu,
Đâu lẽ thiện lương với thật chơn.
- 151.** Song có em trai, ngài phải biết,
Sañjaya tên gọi, hãy lên đường,
Kiếm em cho được, em tuyên thuyết,
Chân thiện, ngài nghe thật tỏ tường.

Ông liền đi đến nhà Sañjaya ngay và được chàng tiếp niềm nở, khi được hỏi lý do đến đây, ông nói rõ ra.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc này:

- 152.** Lúc ấy Bhāradvāja phải vội vàng
Đến Sañjaya gấp tại gia đường,
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thông dong được thấy chàng.
- 153.** Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiện diệt Sañcaya, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Nhưng Sañjaya cũng đang bận bày mưu tính kế, chàng liền thưa với ông:

– Thưa Tôn giả, cháu đang theo đuổi vợ người khác, và lại sắp đi xuống sông Hằng để qua sông. Sáng tối, trong lúc cháu qua sông thường phải gặp nanh vuốt tử thần, cho nên tâm trí đang rối ren, cháu không thể giải đáp vấn đề của Tôn giả được. Song em trai của cháu là Sambhava, mới lên bảy tuổi đã thông minh tài trí hơn cháu gấp cả trăm ngàn lần đấy. Em cháu sẽ nói chuyện với Tôn giả, xin hãy đi tìm để hỏi em cháu ngay!

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc:

154. Tử thần há miệng rộng đầy chông,
Sáng tối chờ con, hồi thúc ông,
Làm thế nào con thưa với chú,
Đâu là chân lý, với hiền lương?

155. Song có em thơ, chú biết chẳng,
Sambhava tên gọi, hãy lên đường,
Tìm em, thưa chú, em nêu rõ,
Chân lý, thiện lương thật tỏ tường.

Nghe vậy, Tể sư Sucīrata nghĩ thầm: “Vấn đề này ắt là điều kỳ bí nhất trên đời. Ta chắc không ai đủ sức giải đáp cả.” Nghĩ vậy, ông ngâm hai vần kệ:

156-57. Việc lạ lòng này phát ý ta,
Chẳng hai con lớn, chẳng người cha,
Biết phương giải đáp điều mâu nhiệm.
Vạy nếu như em cũng chịu thua,
Thì phải chẳng đây là cậu bé,
Biết gì về sự, lý chân ư?

Nghe vậy, Sañjaya đáp:

– Thưa Tôn giả, xin ngài đừng tưởng Sambhava chỉ là đứa trẻ thơ dại. Nếu không ai giải đáp được vấn đề của Tôn giả thì cứ đi hỏi em cháu.

Rồi chàng ngâm mười hai vần kệ nêu lên những đức tính của cậu bé này qua các ví dụ chứng minh trường hợp trên:

158. Xin ngài hỏi Sambhava,
Xin ngài chớ vội khinh là trẻ thơ,
Em đây thông thái tài ba,
Nói ngay ngài biết đâu là thiện chân.

159. Khác nào ánh nguyệt trong ngần,
Sáng bừng vượt hẳn sao giăng đầy trời,
Ánh sao le lói mờ soi,
Chìm dần trong ánh rạng ngời Hằng Nga.

160. Cũng như bé Sambhava,
Trí tài kiệt xuất vượt xa tuổi vàng,

- Hỏi Sambhava, tỏ tường,
Xin ngài chớ vội khinh thường tuổi thơ.
161. Em đầy thông thái tài ba,
Nói rành chân thiện đâu là lẽ ngay,
Tháng Tư quynn rũ đấm say,
Vượt xa tất cả tháng ngày trong năm.
162. Hoa xuân đâm lộc nảy mầm,
Màu xanh bát ngát bao trùm rừng cây,
Bé Sambhava cũng thế này,
Vượt xa tuổi trẻ, trí tài tuyệt luân.
163. Như trên đỉnh tuyết Hương Sơn,
Rừng cây bao phủ, các thần ngự an,
Có thần được, sáng huy hoàng,
Mùi hương ngào ngạt dần lan toàn miền.
164. Như Sambhava ấu niên,
Sinh ra được phú tuệ riêng phi thường,
Hỏi em, sự lý tỏ tường,
Xin ngài chớ vội khinh thường trẻ măng.
165. Khác nào ngọn lửa hung hăng,
Cháy tràn lan khắp rừng hoang tung hoành,
Với cây cột lửa cuộn nhanh,
Không hề biết thỏa, tan tành cỏ non.
Để tro một lối đen ngòm,
Bất kỳ nơi chốn lửa bùng lóe xen.
166. Khác nào một ngọn lửa thiêng,
Đốt bằng bơ sống trong đêm tối trời,
Gặp cây gỗ quý nhất đời,
Giục cơn thêm cháy sáng ngời cao xa.
167. Cũng vậy chú bé Sambhava,
Thông minh trí tuệ vượt xa tuổi vàng,
Hỏi Sambhava, chớ coi thường,
Em thông hiểu, nói tận tường thiện chơn.
168. Trâu nhờ sức lực tráng cường,
Ngựa nhờ tốc độ phô trương giống nòi,
Bò nhờ vắt sữa tuôn vòi,
Hiền nhân, ta biết nhờ lời khôn ngoan.
169. Sambhava cũng vậy, mầm non,
Thông minh trí tuệ vượt hơn tuổi vàng,

Hỏi Sambhava, chớ coi thường,
Em thông thái, hiểu tận tường thiện chân.

Trong khi Sañjaya ca ngợi Sambhava như vậy, Tể sư Sucīrata nghĩ thầm:
“Ta sẽ đặt vấn đề với cậu bé này là biết ngay.”

Ngài hỏi:

– Thế cháu bé ở đâu rồi?

Chàng liền mở cửa sổ, giơ tay chỉ và nói:

– Ngài nhìn cậu bé đằng kia, da óng như vàng ròng đang chơi cùng các trẻ khác bên đường trước cửa chính đó là em trai của cháu. Xin cứ đến hỏi, em cháu sẽ giải đáp vấn đề của ngài với mọi lý lẽ huyền diệu của bậc Giác ngộ.

Sucīrata nghe thế liền bước xuống khỏi dinh đến gần cậu bé vừa đứng lúc cậu bé đang đứng, áo quần xốc xếch vắt qua vai, hai tay đang bốc đất.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ giải thích sự việc này:

170. Lúc ấy Bhāradvāja lại vội vàng,
Đến Sambhava gấp, tại gia đường,
Ở ngoài công lộ, kia ngay đó,
Cậu bé đùa chơi thấy rõ ràng.

Bậc Đại sĩ vừa khi thấy vị Bà-la-môn kia đến đứng trước ngài liền hỏi:

– Hiền hữu đến đây có việc gì chăng?

Vị tể sư đáp:

– Nay cháu bé, ta đã đi khắp cõi Diêm-phù-đề mà không tìm ra được người nào đủ tài trí giải đáp vấn đề ta đặt ra nên nay ta đến đây tìm cháu.

Cậu bé nghĩ thầm: “Họ bảo đây là vấn đề khắp cả cõi Diêm-phù-đề chưa giải đáp được nên vị này đến tìm ta. Còn ta đã am hiểu thông thạo rồi.” Lúc ấy, cậu thấy hổ thẹn liền rút cục đất đang cầm trong tay, sửa sang áo quần lại đàng hoàng và bảo:

– Nay Tôn giả Bà-la-môn, cứ hỏi đi, ta sẽ giải đáp cho ngài với cung cách của một bậc Giác ngộ.

Rồi với trí tuệ tối thắng, ngài mời vị kia lựa chọn đề tài để hỏi. Vị Bà-la-môn liền hỏi vấn đề qua các câu kệ:

171. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền điệt Sambhava, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Vấn đề được hỏi kia quá rõ ràng đối với Sambhava như thể vàng trắng tròn giữa bầu trời cao. Ngài bảo:

– Này, hãy nghe lời ta!

Và ngài giải đáp vấn đề phụng sự chân lý qua các vấn đề:

- 172.** Hiền hữu, ta nay sẽ bảo ngài,
Đúng như bậc Trí phải trình bày,
Vua cần biết rõ điều chân thiện,
Song việc vua làm, ai có hay?

Trong khi ngài đứng giữa đường phổ thuyết giảng chân lý với giọng ngọt như mật, âm thanh vang dội khắp thành Ba-la-nại, mỗi phía vang đến mười hai do-tuần. Nhà vua cùng các phó vương và nhiều vua khác tụ tập lại, bậc Đại sĩ liền đứng giữa đám đông ấy, tuyên thuyết chân lý. Sau khi đã hứa giải đáp vấn đề qua vấn đề này, giờ đây ngài nêu lời giải đáp vấn đề phụng sự chân lý:

- 173.** Đáp lại đức vua, hãy tấu ngài:
“Ngày nay không hăn giống ngày mai,
Thần khuyên Chúa thượng nên thông suốt,
Nắm lấy thời cơ kịp đến tay.”
- 174.** Ta ước mong Hiền hữu tế sư,
Gợi cho vua biết cách suy tư,
Nhờ đây tâm trí ngài an lạc,
Vua phải tránh xa mọi oán thù,
Cũng chớ đi theo đường ác độc,
Như là người độn trí mê mờ.
- 175.** Đừng gây tội lỗi mất tâm hồn,
Đừng phạm hành vi bất chánh chơn,
Đừng có bao giờ theo ác hạnh,
Đừng đưa huynh đệ bước sai đường.
- 176-77.** Ai biết hoàn thành đúng chánh chân
Những điều này, giống nguyệt tròn dần,
Như vua danh tiếng tăng lên mãi,
Làm ánh sáng soi đám bạn thân,
Yêu mến họ hàng, khi tận mạng,
Hiền nhân sẽ đạt đến thiên cung.

Như vậy, chẳng khác nào đem vàng trắng soi rọi khắp bầu trời, bậc Đại sĩ giải đáp vấn đề của vị Bà-la-môn này với mọi vẻ tinh thông của một bậc Giác ngộ. Dân chúng reo hò vỗ tay vang dậy. Hàng ngàn tiếng reo tán thưởng cùng vô số khăn vẫy lên không và tiếng búng tay lách tách. Họ thả luôn cả đồ trang sức trên tay. Vua xứ Ba-la-nại hoan hỷ tỏ lòng tôn kính, ngưỡng mộ ngài. Còn vị Tế sư Sucīrata, sau khi tặng thưởng ngài một ngàn cân vàng liền viết câu giải đáp vấn đề trên bằng son đỏ vào phiến vàng ấy và khi đến kinh thành Indapatta,

ông tâu trình vua về câu giải đáp phụng sự chân lý như trên. Phần vua nhờ kiên tâm hành trì các pháp chân chánh, về sau được lên thiên giới.

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay từ xa xưa, Như Lai đã dùng đại trí để giải đáp mọi vấn đề.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời bấy giờ, Ānanda (A-nan) là Vua Dhanañjaya, Anuruddha (A-nalược-đà) là Sucīrata, Kassapa (Ca-diếp) là Vidhura, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Bhadrakāra, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là chàng trai trẻ Sañjaya và Trí giả Sambhava chính là Ta.

§516. CHUYỆN KHỈ CHÚA (*Mahākapijātaka*)¹² (J. V. 67)

Tương truyền đại đế xứ Kāsi...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) ném đá vào Ngài. Vì vậy, khi các Tỷ-kheo quở trách Đề-bà-đạt-đa về việc xúi giục các xạ thủ bắn cung vào đức Phật và sau đó lại ném đá vào Ngài, bậc Đạo sư bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã ném đá vào Ta.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một nông dân dòng họ Bà-la-môn trong làng thuộc xứ Kāsi, sau khi cày ruộng xong, thả trâu ra và bắt đầu cuốc đất. Đàn trâu trong khi gặm lá ở bụi cây dần dần chạy vào trong rừng. Người ấy nhận thấy trời tối liền đặt cuốc xuống đi tìm đàn trâu nhưng chẳng thấy đâu, gã quá buồn khổ đi lang thang vào trong rừng tìm chúng, dần dần đến tận vùng Tuyết Sơn. Vì lạc mất phương hướng, gã lang thang bảy ngày nhin đói, nhưng khi nhìn thấy cây tĩṇḍuka, gã trèo lên hái trái ăn. Rồi tuột khỏi cây này, gã rơi xuống một vực thẳm như địa ngục sáu mươi cubit¹³ và ở đó cả mười ngày.

Thời bấy giờ, Bồ-tát sinh làm thân khỉ, đang lúc ăn trái rừng ngài thấy gã kia liền chuyển dời đá và lôi gã ra khỏi vực. Khi nằm nơi tảng đá nói rằng: “Tôn ông mến, tôi mệt nên sẽ chợp mắt một chút, xin hãy canh phòng cho tôi!” Trong lúc khi đang ngủ, gã kia đập đầu khỉ bằng một cục đá, Bồ-tát biết được việc này liền vùng dậy nhảy lên cành cây, đứng lại và kêu to:

¹² Tham chiếu: *Dh.* v. 337; *Thag.* v. 339; *Pháp cú kinh* “Ái dục phẩm” 法句經愛欲品 (T.04. 0210.32. 0570c16); *Xuất diệu kinh* “Ái phẩm” 出曜經愛品 (T.04. 0212.3. 0632b21).

¹³ 1 cubit = 45cm.

– Này Tôn ông, ngài đang đi trên đất bằng, ta sẽ chỉ đường cho ngài từ trên ngọn cây này rồi ta sẽ đi ngay.

Thế là ngài cứu gã kia ra khỏi rừng, chỉ đúng đường cho gã rồi biến mất trong rừng núi ấy. Còn gã kia vì đã gây tội ác với Bồ-tát nên hóa thành tên hủi, chẳng khác nào ngạ quỷ lột người trên trần thế. Trong bảy năm liền, gã đau đớn chất chồng, lang thang hết nơi này sang nơi khác, gã đến ngự viên Migācira (Lộc Uyển) tại thành Ba-la-nại, trải ngọn lá chuối trên một góc, gã nằm xuống, lòng đau khổ điên cuồng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại đến ngự viên và trong khi dạo chơi, nhìn thấy gã liền hỏi:

– Người là ai và người đã làm gì đến nỗi phải khổ như vậy?

Gã trình bày cho vua nghe toàn câu chuyện với đầy đủ chi tiết.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

178. Tương truyền đại đế xứ Kāsi,
Một thuở Ba-la-nại trị vì,
Cùng với hiền thần trên đại lộ,
Vào đến Vườn Nai một bữa kia.
179. Đấng kia vua thấy gã La-môn,
Một bộ xương khô bước chập chờn,
Da trắng vì mang dòng máu hủi,
Xù xì xương xẩu tựa cây mun.
180. Ngạc nhiên trước cảnh tượng đau thương,
Của kẻ không may, nặng khổ buồn,
“Thật tội nghiệp người”, ngài phán hỏi,
“Tên gì, ác quỷ phạm đành mang?”
181. Giống như tuyết trắng cả tay chân,
Ta chắc đầu người lại trắng hơn,
Thân thể người tràn đầy vết hủi,
Bệnh kia ghi dấu ấn riêng phần.
182. Lưng người như suốt chỉ giảng hàng,
Lồi lõm, dài ngoằn lại uốn quăn,
Đen đúa tay chân như mẩu gỗ,
Chẳng hề ai thấy kẻ ngang bằng.
183. Người từ đâu đến, kẻ lang thang,
Khốn khổ bơ vơ, da bọc xương,
Đầu đội nắng trời nung bức lửa,
Chịu bao đói khát quá đau thương?

184. Hình hài tàn phá thật kinh hoàng,
 Chẳng xứng nhìn lên ánh nhật quang,
 Ngay chính mẹ ngươi chắc cũng chẳng,
 Còn mong nhìn trẻ quá tồi tàn.
185. Ác nghiệp gì xưa ngươi đã gây,
 Hay là ngộ sát kẻ nào đây,
 Tội gì ngươi phạm, ta mong biết,
 Xui khiến ngươi mang nỗi khổ này?"

Gã Bà-la-môn đáp lại:

186. Thần xin thưa thật với Tôn quân,
 Hành động đúng như một thiện nhân,
 Vì kẻ không bao giờ dối trá,
 Người hiền khen ngợi giữa phàm trần.
187. Xưa kia thần đến một rừng hoang,
 Tìm kiếm đàn trâu tối lạc đàn,
 Băng mãi lối mòn rừng rậm rạp,
 Nơi loài voi ở, bước lang thang.
188. Lạc trong rừng rậm quá hoang sơ,
 Chịu đói khát, đau khổ xót xa,
 Suốt bảy ngày rong thần lẫn quần,
 Chôn loài hổ dữ mớm con thơ.
189. Trái độc tôi kinh cũng cứ thèm,
 Ô kia, đôi mắt bỗng bừng lên,
 Cây xinh lắt léo ngang bờ vực,
 Lơ lửng trái thơm trĩu nhánh mềm.
190. Những trái rơi theo gió lạnh rung,
 Thần nhai ngấu nghiến nuốt thơm lừng,
 Vẫn còn khao khát, thần leo vọi,
 Cách ấy no nê được vẹn toàn.
191. Chưa từng ăn quả chín ngon sao,
 Thần vọi giơ tay hái thêm vào,
 Cành lá dựa thân vào gãy đứt,
 Như là chặt bởi búa ông tiều.
192. Cành gãy làm cho ngã lộn thân,
 Không gì chặn lại, rớt nhanh dần,
 Trên bờ vực thăm đáy tường đá,
 Không thoát khỏi hang vực thăm cùng.
193. Nước sâu nằm dưới bờ vực kia,
 Cứu mạng không tan nát thảm thê,

- Rồi bất hạnh thay, thần tuyệt vọng,
Mười đêm nằm đợi thật dài ghê.
194. Cuối cùng một chú khi dài đuôi,
Trú ẩn trong hang đá đến nơi,
Nhảy nhót cảnh này sang bụi nọ,
Hái ăn trái chín thật xinh tươi.
- 195-96. Chợt thấy thần vàng vọt héo khô,
Động lòng trắc ẩn, khi kêu to:
“Khốn thay! Ta thấy ai nằm đó,
Tuyệt vọng đau thương ngập tận bờ,
Như vậy, ví như người hoặc quỷ,
Ông là ai đó, nói nguyên do.”
197. Thần đầy cung kính, vội thưa ngay:
“Một kẻ khốn cùng chính lão đây,
Song phước đức dành cho khi hết,
Nếu tìm được cách cứu thân này.”
198. Chúa khi chuyển cảnh ở núi cao,
Mang hòn đá nặng lực anh hào,
Ấy nhờ tu luyện tròn công hạnh,
Mục đích tỏ bày trọng đại sao.
199. “Tôn ông, trèo đến chỗ lưng này,
Quanh cổ ta, ghi chặt cánh tay,
Tức tốc ta đem ông thoát khỏi,
Vách tường đá, chính cảnh tù đầy.”
200. Hoan hỷ, thần ghi nhớ rõ ràng,
Lời khuyên của chúa khi vinh quang,
Trèo lên lưng nọ, đôi tay bám,
Quanh cổ Trí nhân thật vững vàng.
201. Chúa khi lúc này thật mạnh thay,
Kiên cường can đảm đến như vậy,
Dẫu rằng mệt lả vì hao sức,
Chốc lát đưa lên vách đá dày.
202. Kéo thần xong, cất tiếng anh hùng:
“Ta mệt nhoài, xin đứng hộ phòng,
Bên cạnh mình ta, Tôn giả hỡi,
Trong khi ta ngủ giấc say nồng.
203. Các thứ như beo, gấu, hổ, sư,
Nếu nhìn ta, thấy quá thờ ơ,

- Chúng liền giết hại ta ngay đây,
Tôn giả canh phòng, chớ phải lo.”
204. Trong lúc thần đang đứng hộ phòng,
Hầu vương đánh một giấc an thân,
Một tư tưởng xấu xa nhen nhúm,
Tiềm ẩn lan dần ở nội tâm.
205. “Khỉ, thú khác cho người thịt ăn,
Vậy sao ta chẳng giết hầu vương,
Đỡ cơn đói khát vì phần thịt,
Cung cấp cho ta món tuyệt trần?”
206. Khi no dạ, chẳng muốn chần chờ,
Song kiếm thật đầy thực phẩm khô,
Tích trữ cho nhiều ngày vất vả,
Từ rừng ta sẽ kiếm đường ra.”
207. Cầm viên đá suýt đánh tan tành,
Chiếc sọ kia, song bởi phận mình,
Tay vung về đưa lên loạn quạng,
Vung ra yếu ớt chẳng nên hình.
208. Chúa khỉ nhanh chân nhảy ngọn cây,
Toàn thân bê bết máu tuôn đầy,
Từ xa trách móc nhìn thần mãi,
Vớ cặp mắt tuôn lệ chảy dài.
209. “Đừng đối với ta làm thế này,
Tôn ông, người hời, đã làm sai,
Thật ông có thể ngăn kẻ khác,
Cho mạng sống không thọ kéo dài.
210. Ôi người làm lỗi đến như vậy,
Sao trả ơn ta cách thế này?
Vì đã cứu ông ra thoát khỏi,
Vực kia sâu thẳm hãi kinh đầy!
211. Ta cứu từ, ông phản bội ta,
Âm mưu sát hại với tâm ma,
212. Coi chừng kẻ ác, e đầy đọa,
Khốc liệt xuất từ ác nghiệp kia,
Đem họa tử vong cho chủ nó,
Khác nào trái giết gốc tre già.
213. Ta chẳng còn tin tưởng ở người,
Vì người làm ác với ta rồi,

- Hãy đi tới trước kia cho khéo,
Còn để ta nhìn thấy bóng thôi.
214. Thoát bầy dã thú đói tìm mồi,
Người trở về nơi người sống đời,
Thẳng tấp con đường dài trước mặt,
Đi theo như ý muốn nhà người.”
215. Nói xong khi nhảy xuống hồ rồi,
Rửa sạch chiếc đầu dính máu tươi,
Và khi lau khô dòng lệ ướt,
Cổ leo khỏi núi ấy lên đường.
216. Từ đây đầy đau khổ đoạn trường,
Đốt thiêu, vò xé bởi hầu vương,
Lê bước thân tàn, thần thất thể,
Tìm nơi giải khát cho mình luôn.
217. Nhưng khi thần đến vũng hồ kia,
Mặt nước đều loang lở máu me,
Một dòng đỏ sẫm dần dần hiện,
Thành một đám như lửa lập lòe.
218. Mỗi giọt nước kia dính đến thân,
Hóa thành mụn nhọt lớn lên dần,
Như bầu nâu, trái khô rồi nứt,
Giống hệt sắc da lẫn cỡ tằm.
219. Máu mủ tràn ra thật đáng nhòem,
Nơi nào thần muốn được an thân,
Dù là thành thị hay thôn dã,
Dân chúng chạy bay hỗn loạn luôn.
220. Lảng tránh vì mùi quá thối tha,
Trong khi gậy, đá cứ tung ra:
“Này tên khốn nạn, đừng đi đến,
Gần chúng ta!” toàn thể hét la.
221. Như vậy khổ đau thật đáng thương,
Thần mang theo suốt bảy năm trường,
Tùy theo hạnh nghiệp mình gây tạo,
Mỗi người đi đến một con đường.
222. Thần ước mong chư vị vạn an,
Mọi người, thần gặp gỡ trên đàng,
Xin đừng phản bạn, ôi hèn hạ,
Kẻ phạm tội mưu chống bạn vàng.

223. Tất cả những ai với bạn mình,
Tỏ ra là kẻ thiếu chân thành,
Như bày hủi phải ăn năn tội,
Thân hoại vào trong ngục tái sanh.

Đây là vần kệ xuất phát từ trí tuệ của bậc Giác Ngộ: “Này các Tỷ-kheo, nghĩa là ở đời này, kẻ nào phản bội, hại bằng hữu sẽ bị như vậy.” Và trong lúc kẻ kia đang tâu trình vua, ngay chính thời điểm ấy, mặt đất há miệng rộng ra làm gã mất dạng và bị tái sanh vào địa ngục. Khi gã bị trái đất nuốt xong, vua ra khỏi ngự viên và trở về thành.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Devadatta cũng đã ném đá vào Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, kẻ phản bạn kia là Devadatta và Ta chính là khi chúa.

§517. CHUYỆN THỦY THẦN (*Dakarakkhasajātaka*) (J. V. 75)

224-57. Chuyện này sẽ được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.¹⁴

§518. CHUYỆN LONG VƯƠNG PAṆḌARA (*Paṇḍarajātaka*) (J. V. 75)

Người nào chuyện bí mật đem phơi...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) nói dối và quả đất đã há miệng nuốt sông ông như thế nào.

Thời đó là lúc Đề-bà-đạt-đa bị chúng Tỷ-kheo quở trách, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã nói dối và đã bị quả đất nuốt chửng.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có năm trăm thương nhân lên tàu ra khơi. Vào ngày thứ bảy, khi họ đã khuất dạng khỏi đất liền, họ bị đắm tàu giữa biển và tất cả làm mồi cho cá, chỉ trừ một người. Người này nhờ gió đẩy đến bờ Karampiya. Lên bờ, mình trần trụi, gã vô cùng khốn khổ, lang thang khắp nơi khát thực. Dân chúng nghĩ: “Đây là bậc tu hành khổ hạnh, thiếu đức tri túc.” Và họ tiếp đãi gã rất ân cần. Song gã bảo:

¹⁴ Xem J. VI. 330, *Maḥāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

– Ta đã có đủ sống rồi.

Và khi họ cúng dường y trong, y ngoài, gã đều không nhận thứ gì cả. Họ bảo nhau:

– Chẳng có bậc khổ hạnh nào vượt qua vị này về phương diện thiếu dục tri túc.

Và lại càng hân hoan vô cùng vì gã, họ xây am ẩn sĩ cho gã trú ẩn và gã lấy danh hiệu là Karampiya đạo sĩ. Trong khi gã ở đó, gã được nhiều lợi dưỡng vinh quang, cả long vương lẫn Kim Sí điều vương đều đến bày tỏ lòng tôn kính gã. Vị long vương này có danh hiệu là Paṇḍara. Một ngày kia, Kim Sí điều vương đến gặp đạo sĩ, sau khi đánh lễ vị này, ngồi xuống một bên và bảo:

– Thưa Tôn giả, dân chúng của ta khi săn công loài rồng rắn thường hay bị chết đuối. Ta không biết cách nào bắt rồng rắn cho đúng. Nghe nói có điều bí ẩn chi đây. Ngài có thể dễ dàng chúng nói ra điều bí ẩn ấy chẳng?

Đạo sĩ nói:

– Được rồi.

Khi điều vương từ giả ra về, vừa đúng lúc long vương đến tôn kính đánh lễ xong ngồi xuống, gã hỏi:

– Nay long vương, loài Kim Sí điều nói rằng khi bắt loài rồng, chúng bị giết chết rất nhiều. Thế lúc đánh bắt rồng rắn, làm sao cho chúng được an toàn?

Long vương đáp:

– Thưa Tôn giả, đây là điều bí mật của loài ta, nếu ta nói ra thì ta sẽ gây tai họa tàn sát cả chủng tộc của ta.

– Sao thế, ngài nghĩ rằng ta nói với kẻ nào chẳng? Ta chẳng nói với ai đâu, ta chỉ hỏi cho thỏa thích hiếu kỳ thôi. Ngài cứ tin ta và nói cho ta biết, đừng e sợ gì cả!

Long vương hứa sẽ nói và từ giả. Ngày hôm sau, ẩn sĩ lại gạn hỏi, long vương cũng không nói ra. Song vào ngày thứ ba, lúc long vương đến và ngồi xuống, ẩn sĩ bảo ngay:

– Hôm nay là ngày thứ ba ta hỏi ngài rồi. Tại sao ngài không nói?

– Thưa Tôn giả, ta sợ ngài kể lại cho kẻ khác.

– Ta sẽ không hé môi với ai cả, nói đi, đừng sợ gì!

Thế là long vương bảo ẩn sĩ hứa sẽ không kể lại với ai rồi nói:

– Thưa Tôn giả, loài rồng rắn chúng ta nuốt đá lớn cho nặng mình và nằm sát xuống, rồi loài Kim Sí điều đến, chúng ta há miệng ra, nhe răng nhào đến chúng. Chúng chụp lấy đầu bọn ta và trong khi chúng cố nhấc lên mà chúng ta lại nặng và nằm sát đất, nước tràn lên chúng khiến chúng chết chìm giữa biển. Một số Kim Sí điều chết như vậy. Trong lúc bắt bọn ta, tại sao chúng lại chụp lấy đầu? Nếu bọn ngu xuẩn kia chụp lấy đuôi của chúng ta và dốc ngược đầu

xuống, chúng sẽ bắt bọn ta phải nhả ra những hòn đá đã nuốt ấy, thế là làm cho bọn ta nhẹ đi và tha bọn ta về tổ chúng.

Long vương đã tiết lộ bí mật như vậy với ác nhân này.

Sau đó, khi long vương ra về, điều vương lại đến đánh lễ đạo sĩ Karampiya xong liền hỏi:

– Thưa Tôn giả, thế Tôn giả đã biết điều bí mật của long vương chưa?

– Thưa ngài, ta đã biết rồi.

Và gã kể mọi điều vừa được kể trên cho gã. Nghe xong, điều vương bảo:

– Long vương đã sai lầm nặng nề, đáng lẽ không nên nói cho ai biết cách tàn sát chủng tộc mình như vậy.

Thế là vừa nổi gió lên, điều vương liền chụp lấy đuôi long vương Paṇḍara và dốc ngược đầu xuống làm rồng chúa nay phải nhả những hòn đá đã nuốt vào cổ, rồi điều vương mang long vương bay lên không. Rồng Paṇḍara, trong lúc bị treo ngược đầu lên không như vậy liền than khóc thê thảm:

– Ta tự gây khổ cho ta rồi!

Và rồng chúa ngâm các vần kệ:

- 258.** Người nào chuyện bí mật đem phơi,
Bất cần, lòng không muốn giữ lời,
Kẻ ngốc bị kinh hoàng trấn áp,
Như ta, rồng chúa ngã nhào thôi.
- 259.** Người nào ngu xuẩn lộ ra ngoài,
Tư tưởng cần che giấu mặt trời,
Kinh hoàng ngập tràn vì leo mép,
Như ta, rồng chúa gặp chim mồi.
- 260.** Không nên để bạn hữu tham gia,
Ý tưởng thâm trầm nhất của ta,
Bạn tốt có khi đây xuân ngốc,
Kẻ khôn lừa dối, phải phòng xa!
- 261.** Tin tưởng gã, ôi, có phải chẳng,
Chuyên trì khổ hạnh bậc Hiền nhân,
Phơi bày bí mật, ta làm lỗi,
Ta khóc giờ đây nỗi đoạn trường.
- 262.** Chuyện riêng tư, gã khôn xen vào,
Bí mật ta không giữ được nào,
Ta sợ mối nguy từ gã đến,
Giờ ta khóc chính nỗi thương đau.
- 263.** Tưởng bạn trung thành tận tụy xương,
Sinh lòng kính sợ, nặng tình thương,

Ân tình tiết lộ cho người khác,
Ngã gục, người ngu chẳng thể vươn.

264. Ai nói lên cùng đám ác nhân,
Điều thâm kín phải giữ trong tâm,
Được xem răn độc nơi trần giới,
“Kẻ ấy, tránh xa!”, chúng thét răn.

265. Cầm y, mỹ nữ, gỗ chiên-đàn,
Hương liệu, vòng hoa, thực phẩm ngon,
Mọi dục ác kia, ta tránh cả,
Điều vương, nếu đến giúp long vương!

Rồng chúa Paṇḍara đã khóc than như vậy qua tám vằn kệ trong khi bị dốt ngược trên không. Điều vương nghe tiếng than khóc liền khiển trách long vương và bảo:

– Nay long vương, tại sao lại than khóc sau khi đã tiết lộ bí mật cho đạo sĩ kia?

Và điều vương ngâm vằn kệ:

266. Trong chúng ta, ba kẻ sống đây,
Nói tên ai kẻ đáng trách này?
Chẳng sư, chẳng điều, nhưng ngài ngốc,
Mang họa long vương nhục nhã đây.

Nghe vậy, rồng Paṇḍara liền ngâm vằn kệ khác:

267. Đạo sĩ, theo ta, một bạn vàng,
Chuyên trì khổ hạnh, bậc Hiền nhân,
Ân tình ta lộ, ta làm lỗi,
Ta khóc, giờ đây chính khổ thân.

Kế đó, điều vương lại ngâm bốn vằn kệ khác nữa:

268. Nhân sinh trần thế phải lìa đời,
Thánh đạo cho con cháu phải soi,
Bằng tự điều thân, chân chánh hạnh,
Con người thành đạt đích cao vời.

269. Chẳng ai thân thiết vượt song thân,
Không kẻ thứ ba ái luyến bằng,
Song ân tình người đừng tỏ lộ,
E rằng phản bội thật không lường!

270. Mẹ cha, quyến thuộc khắp xa gần,
Bạn hữu đồng minh dấu thiết thân,
Ân ý người đừng nên tỏ lộ,
Về sau phản bội, phải ăn năn.

271. Vợ hiền xinh đẹp tuổi còn xuân,
Chia sẻ đàn con, đám bạn thân,
Song chớ tỏ bày điều bí ẩn,
E nàng phản bội, phải đề phòng.

Tiếp theo là các vãn kệ sau:

272. Đừng ai đem chuyện kín phơi ra,
Phải giữ như kho báu của nhà,
Việc tiết lộ ra điều bí mật,
Hiền nhân chẳng muốn ngợi khen mà.
273. Bậc Trí không nên lộ tác lòng,
Vớ cừu nhân hoặc vớ hồng quần,
Những người nô lệ cho tài vật,
Bọn chúng giả vờ để kết thân.
274. Ai hé lộ ra một ẩn tình,
Cho người không có trí thông minh,
Sợ lo phá vỡ bao điều kín,
Phải chịu người kia khống chế mình.
275. Những người biết được chuyện riêng tư,
Mà bạn chẳng nên để lộ ra,
Sẽ khiến bất an tâm trí bạn,
Vậy đừng tiết lộ chuyện riêng mà.
276. Ban ngày, lúc riêng rẽ nơi xa,
Cứ bạo gan nêu chuyện kín ra,
Song giữa đêm khuya trời vắng vẻ,
Đừng liều lĩnh lộ chuyện riêng mà.
Bởi vì chắc chắn ở bên lưng,
Có kẻ lén ta đứng sẵn sàng,
Lời thoáng đưa đều nghe lọt cả,
Và rồi chuyện mật sẽ tan hoang.

Đây là năm vãn kệ sẽ xuất hiện trong *Vấn đề của năm vị Trí giả của Chuyện đường hăm vĩ đại*.

Tiếp theo là các vãn kệ này:

277. Như cổ thành vây bọc tứ phương,
Vớ hào, cọc sắt, chẳng thông thương,
Cửa song không lấp và tương tự,
Bí mật người khôn giữ kín luôn.
278. Những người dù vội vã nhanh lời,
Chuyện kín vẫn không hé hở môi,

Mà quyết giữ mình luôn vững chắc,
Thật lòng chân chánh, đây là người,
Cừ nhân phải tránh như đi trốn,
Lúc rắn độc đang đuổi chạy dài.

Khi chân lý đã được điều vương tuyên thuyết như vậy, long vương Paṇḍara liền ngâm vần kệ:

- 279.** Lỗa thể, cạo đầu, gã xuất gia,
Lang thang khát thực khắp quê nhà,
Ôi, đem bí mật khai cùng gã,
Sự, lý tan tành, số phận ta.
- 280.** Giới hạnh nào tu sĩ phải trì,
Phát nguyện nào, tránh lỗi lầm chi,
Làm sao thoát ác hành, tham chấp,
Để đạt thiên cung cuối hạn kỳ?

Điều vương đáp:

- 281.** Biết tâm, kham nhẫn, tự điều thân,
Vứt bỏ vu oan với hận sân,
Tu sĩ đoạn tham chấp, ác nghiệp,
Sau cùng đạt đến cảnh thiên cung.

Long vương Paṇḍara nghe điều vương thuyết pháp như vậy liền xin tha mạng và ngâm vần kệ này:

- 282.** Như trẻ sơ sinh, mẹ ngắm nhìn,
Khắp người rung động, thú thần tiên,
Điều vương cũng vậy, xin ban bố,
Từ ái đàn con, đáng mẹ hiền!

Sau đó, điều vương tha mạng cho long vương và ngâm vần kệ nữa:

- 283.** Chúa rồng, ta thả bạn bây giờ,
Thoát chết, cho ngài được tự do,
Trong các đàn con này chỉ có,
Con nuôi, con ruột, học trò ta,
Là ba trẻ hưởng nhiều sung sướng,
Quả thật ngài là một giữa ba.

Nói vậy xong, điều vương hạ cánh từ trên không và đặt long vương xuống mặt đất liền.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

- 284.** Nói vậy xong, chim chúa thả ngay,
Kẻ thù, đáp nhẹ địa cầu này,

Nay ta giải phóng, mau đi kiếm,
 An trú xa nơi hiểm họa đây,
 Dù bạn lên bờ hay dưới nước,
 Ta nguyện phòng hộ kỹ từ rày.

- 285.** Như lương y có đủ tài năng,
 Con bệnh hiểm nghèo đã chữa xong,
 Như nước mát trong hồ giải khát,
 Cho bao người được thỏa thuê lòng,
 Như nhà trú ẩn trời băng giá,
 Ta, chốn bạn nhờ lúc bại vong.

Điều vương lại bảo:

– Xin hãy đi ngay!

Rồi chim thần thả long vương ra. Long vương liền biến mất vào cảnh giới của loài rồng rắn. Còn điều vương trở về nơi cư ngụ của loài Kim Sí điều, tự nhủ:

– Long vương Paṇḍara đã được ta tin tưởng nhờ lời thề nguyện nên được ta thả ra. Bây giờ, ta phải thử thách xem tình cảm của vị này đối với ta ra sao.

Rồi đi đến cảnh giới của long vương, chim thần này nổi cơn thần phong của loài Kim Sí điều lên thật mạnh. Thấy vậy, long vương tưởng Kim Sí điều vương đến bắt mình liền hóa hình dài cả ngàn sải¹⁵ và nuốt cát sỏi cho nặng rồi nằm sâu xuống, vừa giấu đuôi dưới mình vừa vội giương cao móng lên như thể sẵn sàng cắn điều vương. Thấy vậy, điều vương liền ngâm vắn kệ:

- 286.** Loài thai sanh trước đã làm lành,
 Với kẻ thù là loài noãn sanh,
 Nay bỗng dưng ngài nanh rộng há,
 Vì đâu ngài phách lạc hồn kinh?

Nghe lời này, long vương ngâm ba vắn kệ:

- 287.** Phải luôn nghi ngại kẻ thù mình,
 Chớ quá tin ngay bạn chí tình,
 Lòng cả tin sinh niềm sợ hãi,
 Giết người từ gốc đến đầu cành.
- 288.** Sao đặt lòng tin tưởng một người,
 Trước kia ta đã cãi tranh rồi?
 Hãy lo phòng hộ mình cho kỹ,
 Yêu kẻ địch à? Chẳng có ai!
- 289.** Hãy gây tin tưởng khắp nơi nơi,
 Song chớ tin vào bất cứ ai,
 Đừng để người nghi ngờ chính bạn,
 Song tâm hướng đến mối nghi hoài.

¹⁵ 1 sải = 1m82.

Người nào thực sự là người trí,
Cần phải hết lòng gắng sức thôi,
Bản tính mình không hề để lộ,
Phơi bày ra trước mặt người đời.

Hai vị đã trò chuyện với nhau như vậy xong liền hòa giải với nhau và cùng nhau thân thiết đi đến am của ẩn sĩ khổ hạnh kia.

Bậc Đạo sư ngâm vãn kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

290. Nay thấy xứng đôi bạn thánh thân,
Dáng thanh, tâm tịnh, phước bằng phần,
Như đôi tuần mã cùng cương chạy,
Đến Karampiya lỏa nhân.

Về vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm thêm một vãn kệ nữa:

291. Long vương đi thẳng đến thầy tu,
Rồng chúa báo ngay với kẻ thù:
“Phải biết hôm nay ta thoát nạn,
Không nhờ tình thánh giả dành cho!”

Tiếp theo, vị khổ hạnh liền ngâm vãn kệ khác:

292. Trịnh trọng ta thề trước điều vương,
Với ngài, ta nặng trĩu tình thương,
Hơn bao giờ cả, song rung cảm,
Vì mối tình thân với đại bàng,
Ta đã sai lầm vì cố ý,
Chớ không do bởi tính si cuồng.

Nghe vậy, long vương liền ngâm hai vãn kệ:

293. Người thấy đời này lẫn kiếp sau,
Chẳng hề thương ghét nhọc lòng đâu,
Tu hành đội lốt, ngài mong giầu,
Hành động phi nhân ngược thánh bào.

294. Nhuộm đầy ti tiện, dáng cao siêu,
Khoác áo tu lòng chẳng tự điều,
Bản tính chứa tâm tư hạ liệt,
Ngài chuyên tạo ác nghiệp bao nhiêu.

Rồi để khiển trách gã, vị này lại ngâm vãn kệ nhiếc mắng:

295. Chỉ điểm, dối lừa, muốn giết oan,
Bạn lành vô tội, vậy ta mong,
Nhờ đây thề nguyện điều chân thật,
Bảy mảnh đầu ngài phải vỡ tan.

Thế là ngay trước mắt long vương, đầu kẻ tu khổ hạnh kia bị vỡ nát thành bảy mảnh và mặt đất nứt ra ngay ở nơi gã đang ngồi. Gã biến mất vào lòng đất và tái sinh vào địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián). Còn long vương và điều vương đều trở về cảnh giới của riêng mình.

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ sự kiện gã ấy đã bị nuốt chửng vào lòng đất bằng văn kệ sau cùng:

296. Vì thế Ta nay nhấn nhủ rằng,
Chớ bao giờ phản bội thân bằng,
Còn gì tồi tệ hơn nhìn thấy,
Một thứ bạn bè giả dối chẳng,
Bị nuốt trôi vào lòng đất lạnh,
Kẻ mồm độc ấy ngã nhào lặn,
Và người khổ hạnh nay đành chết,
Vì chính lời kia của chúa rồng.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả xưa kia nữa, Devadatta đã nói dối và bị nuốt chửng vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, ân sĩ là Devadatta, long vương là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Kim Sí điều vương chính là Ta.

§519. CHUYỆN HOÀNG HẬU SAMBULĀ (*Sambulajātaka*) (J. V. 88)

Run rẩy nép mình dáng hỡi kinh...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi).

Phần khởi đầu được kể đầy đủ trong *Chuyện phản cháo sữa chua*.¹⁶ Lúc bấy giờ, nhờ công đức cúng dường ba phần cháo dâng đức Như Lai, ngay hôm ấy, bà được sắc phong địa vị chánh hậu, cai quản các cung tần trung tín. Bà có đầy đủ năm vẻ nữ sắc yêu kiều, tài trí tốt bụng, lại là đệ tử của đức Phật, là một người vợ hiền tận tụy. Lòng nhiệt tình của bà sáng chói tỏa khắp cả kinh thành.

Vì vậy, một ngày kia, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn luận trong pháp đường việc Hoàng hậu Mallikā là một hiền phụ trung kiên, tận tụy như thế nào. Bậc Đạo sư lúc đó đến, liền hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận đề tài gì, và khi được biết, Ngài bảo:

¹⁶ Xem J. III. 406, *Kummāsapiṇḍajātaka* (*Chuyện phản cháo sữa chua*), số §415.

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, bà ấy cũng là một người vợ hiền tận tụy.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta có một hoàng nam mệnh danh là Sotthisena, và lúc đến tuổi trưởng thành, chàng được phong làm phó vương. Chánh phi của chàng là Sambulā cực kỳ diễm lệ, dung sắc rực rỡ chói lọi như thể ánh đèn chiếu sáng trong chốn tối tăm.

Song dần dần, chứng bệnh phong cùi xuất hiện trên mình Phó vương Sotthisena và mọi lương y đành bó tay, không thể chữa trị. Khi các vết lở loét chảy mủ ra, hôi tanh khủng khiếp đến độ phó vương tuyệt vọng kêu lên:

– Ngài vàng có ích gì cho ta đâu? Thôi ta vào rừng sâu này chết một mình, không cần bạn bè cho xong.

Khi đã cho trình vua cha, chàng rời hậu cung ra đi. Mặc dù chàng cố sức ngăn cản, Sambulā vẫn không chịu trở về, mà bảo:

– Thiếp xin nguyện chăm sóc Chúa công trong rừng thẳm.

Rồi nàng cùng chàng từ bỏ kinh thành ra đi. Khi vào rừng, chàng dựng một lều cỏ để trú thân ở một nơi có bóng cây và nước suối, trái rừng đầy đủ. Còn vương phi săn sóc chàng ra sao? Nàng dậy thật sớm, quét dọn lều sân, mang nước đến cho chàng súc miệng. Khi chàng súc miệng xong, nàng nghiền nát nhiều loại cỏ thuốc thoa vào các vết lở loét của chàng rồi đưa trái cây ngon ngọt cho chàng ăn. Khi chàng đã súc miệng, rửa tay, nàng chào chàng và bảo:

– Xin Chúa công hãy chuyên tâm làm việc thiện!

Rồi nàng cầm cái thúng, cái xẻng và cái móc đi vào rừng hái trái cây cho chàng. Khi chàng ăn hết, nàng đem nước thơm cho chàng uống rồi mới ăn phần trái cây của mình.

Nàng lại sắp đặt một sàng tọa có khăn phủ lên và trong lúc chàng nằm trên đó, nàng rửa chân cho chàng, thay áo quần, tắm gội cho chàng xong nàng đến nằm xuống cạnh sàng tọa. Nàng chăm sóc chúa công của nàng như vậy đó.

Một ngày kia, trong lúc đem trái cây về nhà, nàng thấy một hang có con suối, nàng liền đặt thúng trên đầu xuống, đứng bên bờ hang rồi bước xuống tắm, nàng thoa khắp người với thuốc nhuộm vàng rồi tắm rửa. Xong xuôi, nàng bước lên mặc áo quần bằng vỏ cây và đứng trên bờ suối. Cả khu rừng sáng rực lên vì dung sắc rực rỡ tỏa ra từ thân thể nàng. Lúc ấy, có một con quý dạ-xoa đi tìm mồi, thoát trông thấy nàng liền mê mẩn ngâm đôi vằn kệ sau:

297. Run rẩy nép mình dáng hỡi kinh,
Ai đây đang đứng cạnh hang ghềnh,

Nói đi, thực nữ thân bồ liễu,
Quyên thuộc là ai với quý danh?

298. Nương tử là ai, đẹp rõ ràng,
Đâu là dòng giống của nhà nàng,
Khiến nàng chiếu rọi khu rừng sáng,
Chốn lạc cư muôn loại thú hoang?
Yêu quý là ta đầy kính cẩn,
Nghĩ mình bái phục trước tôn nhan!

Nghe con quý nói thế, nàng đáp lời qua ba vần kệ:

299. Thái tử Sotthisena kẻ vị ngai,
Xứ Kāsi, hãy biết như vậy,
Ta là vương hậu hoàng nam ấy,
Thường gọi Sambulā chính hiệu này.
300. Vương tử Videhaputta,
Khổ thân bệnh hoạn ở rừng xa,
Mình ta chăm sóc chàng nằm đó,
Không thể, chắc chàng phải chết mau.
301. Đây miếng thịt nai thật ngọt ngon,
Ta vừa kiếm được chốn rừng hoang,
Đem về dâng chúa công ta đó,
Giờ bởi thiếu ăn đã mời mơn.

[Ác quỷ:]

302. Chúa công bệnh hoạn ích gì chẳng?
Ngài chẳng cần vương hậu, hỡi nàng,
Mà chỉ cần người nuôi bảo hộ,
Ta mong chiếm địa vị chồng nàng.

[Vương phi:]

303. Lòng ta mòn mỏi với ưu sầu,
Khốn khổ bơ vơ, đẹp chẳng cầu,
Nếu quý vương tìm nương tử mới,
Hãy cầu nàng khác đẹp dường nào.

[Ác quỷ:]

304. Thê thiếp bốn trăm sẵn của ta,
Tôn vinh lâu các ở đời xa,
Xin nàng chiếu cố, ngôi cao ngự,
Cho thỏa bao nguyện ước thiết tha.
305. Hỡi mỹ nhân tươi sáng ánh vàng,
Những gì nàng quý chuộng cho nàng,

Ta đều ban tặng, xin mời đến,
Cùng ta tận hưởng thú trần gian.

306. Nếu chối từ làm vợ quý vương,
Hiển nhiên nàng hóa miếng mồi ngon,
Cho ta thọ dụng hôm nay đây,
Đề lớt lòng ta đã nhịn cơm.

[Bậc Đạo sư:]

307. Ác quỷ mày râu rậm bảy chòm,
Khiến cho người thất đảm kinh hoàng,
Thấy nàng lạc lỏng bơ vơ bước,
Liên nắm chặt tay ấy của nàng.
308. Bị cầm giam bởi quỷ hung tàn,
Cừ địch nàng kia, ác dục tràn,
Nàng chỉ khóc thương chàng vắng mặt,
Chẳng hề quên nỗi khổ riêng chàng.

[Vương phi:]

309. Ta chẳng buồn vì số phận ta,
Làm mối cho quỷ ác căm thù,
Song vì tình trạng phu tôn quý,
Ly biệt ta, chàng sẽ khổ ưu.
310. Chư thân đi vắng cả rồi chẳng?
Chẳng vị nào cai quản thế gian,
Để trần áp hành vi sỉ nhục,
Cản ngăn điều phóng đảng dâm loạn.

Lúc ấy, cung đình của Thiên chủ Đế-thích rung động vì công năng đức hạnh của nàng, chiếc ngai bằng hoàng thạch của ngài trông có vẻ nóng lên. Ngài suy nghĩ tìm ra duyên cớ, liền cầm kim cang chùy phi nhanh đến trước con quỷ và ngâm vần kệ:

311. Giữa phái quần thoa đệ nhất danh,
Chính nàng toàn hảo, trí thông minh,
Khác nào ngọn lửa đang bùng sáng,
Ví thử người ăn thịt gái lành,
Ác quỷ, đầu người liền vỡ nát,
Thành ra bảy mảnh phải tan tành.
Vậy đừng làm hại nàng nên thả,
Nàng, vợ hiền dưng hiền trọn mình.

Nghe vậy, con quỷ liền thả Sambulā. Thiên chủ nghĩ thầm: “Con quỷ này sẽ còn tái phạm một lần nữa.” Vì thế, ngài lấy dây trói, giam lỏng nó trên ngọn núi thứ ba cách xa chỗ ấy, để nó không trở lại đây được, rồi nồng nhiệt ngợi khen

vương phi xong, ngài trở về thiên đình của ngài. Còn vương phi, sau khi mặt trời lặn, phải nhờ ánh trăng trở về lều cỏ.

Bậc Đạo sư ngâm tám vần kệ giải thích sự việc:

- 312.** Thoát quỷ kia, nàng vội lại nhà,
Như chim về thấy chết con thơ,
Hay bò bị cướp bê con đại,
Than khóc nhìn hang ổ trống trơn.
- 313.** Kia Sambulā danh tốt vang,
Hoàng phi liên cất giọng kêu than,
Thất thân, đôi mắt mờ mờ cả,
Không thấy chàng đâu giữa núi ngàn.
- 314.** “Tiện thiếp xin quỳ lạy Sa-môn,
La-môn, Hiền thánh, Trí nhân từ,
Nay tìm hoàng tử mà không thấy,
Thiếp đến thần nhân để trú nhờ.
- 315-16.** Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,
Cùng các loài hoang thú giữa rừng,
Tiện thiếp xin chào kính tất cả,
Cỏ, dây leo, dược thảo um tùm,
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt,
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.
Hoàng tử thiếp tìm mà chẳng thấy,
Nơi này thiếp đến để nhờ nương.
- 317.** Tiện thiếp xin thi lễ dạ thần,
Thiên môn chòm, sắc biếc xanh xinh,
Vòng hoa tinh tú lung linh đẹp,
Không thấy chàng đâu, thiếp đến nương.
- 318.** Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,
Là mẹ hiền chung hợp suối sông,
Hoàng tử thiếp tìm mà chẳng thấy,
Nơi này thiếp đến để nhờ nương.
- 319.** Tiện thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,
Nay tìm hoàng tử mà không thấy,
Thiếp đến nơi này để cậy nương.

Nhìn thấy nàng đang than khóc như thế, Sotthisena nghĩ thầm: “Nàng than khóc quá lời. Ta không biết có ý gì đây, nếu nàng làm thế vì yêu thương ta thì tim nàng sẽ tan nát. Thôi ta phải thử nàng xem sao.”

Chàng liền đi đến ngồi ở cửa lều. Nàng đến cửa vẫn còn than khóc, đánh lễ chàng xong, nàng hỏi:

– Nầy giờ Chúa công ở đâu?

Chàng đáp:

– Này Vương phi, ngày thường nàng chưa hề về nhà giờ này, hôm nay nàng về quá trễ.

Rồi chàng ngâm vần kệ hỏi nàng:

320. Này Quý phi danh tiếng vọng vang,
Sao nàng về muộn quá chiều tàn?
Tình lang yêu dấu nào đâu hẳn,
Đã giữ nàng lâu hóa trễ tràng?

Nàng đáp lại:

– Tâu Chúa công, thiếp đang mang trái cây về nhà thì gặp một con quỷ si tình thiếp, nắm tay thiếp và bảo: “Nêu nàng không nghe lời ta, ta sẽ ăn thịt nàng ngay.”

Và nàng ngâm vần kệ:

321. Bị cừu địch bắt, nặng sầu tư,
Thiếp nói lời cùng quý dạ-xoa:
“Ta chẳng buồn đau vì số phận,
Làm mối cho ác quỷ tinh ma,
Song vì tình trạng phu tôn quý,
Ly biệt ta, chàng sẽ khổ ưu.”

Rồi nàng kể hết mọi chuyện cho chàng nghe và nói:

– Khi thiếp đang bị quỷ bắt giữ như vậy không thể nào thoát thân được, thiếp liền xin sự phò hộ của chư thần nên Thiên chủ Đế-thích hiện ra, cầm chùy kim cương trong tay, ở trên không hăm dọa ác quỷ thả thiếp ra. Rồi ngài lại lấy dây thần trói quỷ trên ngọn núi thứ ba xa chỗ ấy xong biến mất. Thế là thiếp đã được Thiên chủ Đế-thích cứu mạng.

Thái tử Sotthisena nghe xong liền bảo:

– Này Vương phi, chuyện có thể là như vậy. Với nữ nhân thật khó biết được sự thật. Trong vùng Tuyết Sơn có nhiều sơn nhân, ẩn sĩ và pháp sư. Ai sẽ tin nàng đây?

Nói vậy xong, chàng ngâm vần kệ:

322. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương.

Nghe vậy, nàng đáp:

– Tâu Chúa công, dù chàng không tin thiếp, thiếp vẫn nói nhân danh chân lý và thiếp sẽ chữa bệnh cho chàng.

Thế là khi đã rót đầy một bình nước để thực hiện một lời ước nguyện chân lý, nàng đổ nước từ trên đầu chàng và ngâm vắn kệ:

323. Ước mong chân lý, chốn nường thân,
Thiếp chẳng yêu ai khác Chúa công,
Thiếp nguyện cầu xin nhờ nói thật,
Bệnh chàng nay được chữa lành chăng?

Khi nàng thực hiện lời nguyện cầu chân lý ấy xong, nước vừa được rảy lên đầu Sotthisena thì bệnh hủi liền biến mất như thể rỉ đồng gặp cường toan vậy. Sau khi ở lại đó vài ngày, hai vị rời khu rừng đi đến Ba-la-nại và vào ngự viên.

Phụ vương biết chuyện hai con đã về liền vào ngự viên. Ngay tại đó, ngài bảo đem chiếc lọng hoàng gia đến che lên đầu Sotthisena làm lễ Quán đảnh, sắc phong Sambulā lên ngôi chánh hậu. Sau đó, ngài đưa hai con về thành, và chính ngài xuất gia tu hành, lập am trong ngự viên nhưng vẫn thường dùng ngự thiện trong cung.

Còn Vua Sotthisena chỉ phong Sambulā lên ngôi chánh hậu, song chẳng ban ân huệ gì cho nàng, chàng chẳng quan tâm ngay cả đến đời sống của nàng mà chỉ ham hưởng lạc thú với những nữ nhân khác. Sambulā hờn ghen với đám tình địch kia nên gây mòn bạc nhược, cả thân hình nổi gân xanh xao ra đáng bệnh hoạn.

Một ngày kia, phụ hoàng của vua, vị ẩn sĩ đã xuất gia ấy đến dùng ngự thiện, nàng liền yết kiến ngài cho khuây khỏa nỗi buồn. Sau khi ngài dùng bữa xong, nàng đánh lễ ngài và ngồi xuống một bên. Trông thấy tình trạng suy nhược của nàng, ngài ngâm vắn kệ hỏi:

324. Bảy trăm vương tượng trực bên mình,
Phòng hộ sẵn sàng khởi chiến binh,
Thiện xạ hàng trăm ngựa hiềm họa,
Đâu cừ nhân đến khiến hồn kinh?

Nghe vậy, nàng đáp lại:

– Tâu Phụ vương, chúa thượng không còn như xưa đối với thần thiếp nữa.

Rồi nàng ngâm vắn kệ:

325. Chàng yêu mỹ nữ tựa liên hoa,
Giọng điệu thiên nga cất tiếng thưa,
Rung động lòng chàng say đắm đuối,
Khi chàng nghe chúng nhịp nhàng ca,
Thiếp không còn ngự trong tâm tưởng,
Tình cảm chàng như một thuở xưa.

326. Nữ nhân dáng đẹp tựa thiên nga,
Trang điểm toàn châu báu sáng lòe,
Tuyệt sắc cung tần nằm yếu điệu,
Mê hồn quyến rũ mắt vương gia.
327. Mong lần nữa lạc bước rừng hoang,
Kiếm mỗi bữa ăn đỡ dạ chàng,
Thiếp sẽ được chàng yêu quý lại,
Rừng xanh ngự trị, bỏ ngai vàng.
328. Gấm vóc lụa là khoác nữ nhi,
Cao lương mỹ vị đủ tràn trề,
Diễm kiều, song nếu chàng không chuộng,
Thà kết lụa đào để chết đi.
329. Gái nghèo khôn khổ ngủ nệm rom,
Nếu được yêu thương dưới mắt chồng,
Cũng hưởng một đôi niềm hạnh phúc,
Mà người chỉ thiếu tấm tình nồng,
Không hề biết đến, dù đầy đủ,
Tất cả mọi điều, tấu Phụ vương!

Khi nàng giải thích cho vị vua ân sĩ hiểu nguyên nhân vì đâu nàng héo mòn như vậy, ngài liền triệu vua tới và bảo:

– Nay Vương nhi Soththisena, khi Vương nhi bị bệnh hủi giày vò khổ khổ phải trốn vào rừng sâu, nàng đã cùng Vương nhi vào rừng, săn sóc hầu hạ đủ mọi nhu cầu cho Vương nhi, lại nhờ thần lực chân lý chữa bệnh cho Vương nhi nữa. Bây giờ, sau khi nàng đã làm phương tiện cho Vương nhi ngự trên chiếc ngai vàng, Vương nhi không biết đến địa vị của nàng, thật là lỗi đạo lắm! Một hành động phản bội bạn hiền như vậy là một tội lớn.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

330. Khó tìm được vợ chung tình,
Nam nhi tốt với vợ mình, khó sao,
Vương phi đức hạnh dường nào,
Với chồng, nàng lại dạt dào tình thương.
Vậy giờ đây, hỡi Quân vương,
Với Sambu, phải trọn đường thủy chung.

Sau khi khiển trách vương nhi xong, ngài đứng dậy bỏ ra về ngay. Khi vương phụ đi rồi, vua triệu Sambulā đến và bảo:

– Nay Ái hậu, xin hãy tha thứ lỗi lầm của trăm bảy lâu nay! Từ nay về sau, trăm giao hết quyền hành cho Ái hậu.

Và nhà vua ngâm vần kệ cuối cùng:

331. Hưởng đầy phúc lộc dồi dào,
 Ái khanh vẫn cứ xanh xao héo mòn,
 Vì lòng nặng trĩu ghen hờn,
 Từ nay trẫm với phi tần cung nga,
 Là người dưới trướng Sambulā,
 Sẵn sàng tuân phục Lệnh bà phán sai.

Từ đó, nhà vua cùng hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau, thực hành bồ thí và các thiện pháp. Đến khi từ trần, hai vị đi theo đúng hạnh nghiệp của mình. Còn vị ân sĩ khổ hạnh tu tập phát khởi thiền định, về sau tái sanh vào Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại xong, lại bảo:

– Không chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, Mallikā đã là người vợ thủy chung.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Sambulā là Mallikā, Sotthisena là vua xứ Kosala, vị ân sĩ kia chính là Ta.

§520. CHUYỆN VỊ THẦN CÂY TINDU (*Gaṇḍhatindujātaka*)¹⁷ (J. V. 98)

Sự tỉnh giác là hướng Niết-bàn...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một ông vua. [Việc giáo hóa này được kể đầy đủ trong *Chuyện khuyến dụ Quốc vương*,¹⁸ *Chuyện ba con chim*.¹⁹]

Ngày xưa tại quốc độ Kampilla, trong kinh thành Uttarapañcāla có vị vua danh hiệu Pañcāla, cai trị bất công vì theo ác đạo và phóng dật buông lung, bởi thế quần thần cũng trở nên bất công như nhà vua. Dân chúng bị thuế má nặng nề áp bức liền đem vợ con đi lang thang vào rừng như bầy dã thú.

Những vùng trước kia là làng mạc nay hoang vắng cả, dân chúng ban ngày thì sợ quân sĩ của nhà vua nên không dám ở trong nhà và lấy hàng rào gai bao bọc lại; khi trời mới tảng sáng, họ đã vào rừng. Ban ngày họ bị quân lính của vua tước đoạt của cải, còn ban đêm lại bị bọn cướp hoành hành.

Vào thời ấy, Bồ-tát xuất hiện trong thân hình một vị thần cây tindu ở ngoại

¹⁷ Tham chiếu: *Dh. v. 21*; *Pháp cú kinh* “Phóng dật phẩm” 法句經放逸品 (T.04. 0210.10. 0562b19); *Xuất diệu kinh* “Phóng dật phẩm” 出曜經放逸品 (T.04. 0212.5. 0641c17); *Pháp tập yếu tụng kinh*, “Phóng dật phẩm” 法集要頌放逸品 (T.04. 0213.4. 0779a01).

¹⁸ Xem J. III. 110, *Rājovāḍajātaka* (*Chuyện khuyến dụ Quốc vương*), số §334.

¹⁹ Xem J. V. 100, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*) số §521.

thành, hằng năm nhận được phẩm vật cúng dường của nhà vua trị giá một ngàn đồng tiền, ngài nghĩ thầm: “Nhà vua thật buông lung phóng dật, quốc độ đang suy tàn, ngoài ta ra không ai có thể đưa vua trở về chánh đạo. Vua này là kẻ ban ơn cho ta, hằng năm lại dâng tặng ta phẩm vật một ngàn đồng tiền. Vậy ta sẽ giáo hóa cho vị vua này.” Thế là đang đêm tối, ngài vào hậu cung, đứng trên không ngay phía đầu vương sàng, phóng ra một luồng hào quang. Vua thấy ngài sáng chói như mặt trời mọc liền hỏi ngài là ai và từ đâu đến. Nghe vua hỏi, ngài đáp:

– Này Đại vương, ta là thân cây cườm thị thơm (gandhatindu) đến đây khuyên nhủ ngài.

Vua hỏi:

– Ngài muốn khuyên trẫm điều gì?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Đại vương buông lung việc trị nước, cả quốc độ đang điêu tàn như thể làm môi cho bọn quần thần tay sai. Vua chúa buông lơi việc trị nước không thể nào làm chủ vận mệnh quốc gia được. Ngay trong đời này, chính họ sẽ bị suy tàn và đời sau phải tái sanh vào địa ngục. Một khi vua chúa buông lơi việc cai trị, quần thần bên ngoài lẫn bên trong quốc độ buông lơi theo cả, vì thế nhà vua phải hết sức lo trị nước.

Nói xong, ngài ngâm các vần kệ ghi lại một bài học đạo đức:

- 332.** Sự tỉnh giác là hướng Niết-bàn,
Buông lung thường dẫn đến vong thân,
Những người tỉnh giác không hề chết,
Phóng dật khác nào đã mạng vong.
- 333.** Sự mê đắm tạo ra buông lung,
Phóng dật sinh hư hỏng, mạng vong,
Hư hỏng tác thành ra ác nghiệp,
Đoạn trừ mê đắm, hỡi Anh quân!
- 334.** Người hùng phóng dật biết bao phen,
Bị tước giang sơn lẫn bạc tiền,
Điền chủ trở thành người thất lạc,
Chủ nhà, nhà mất khổ triền miên.
- 335.** Khi vua buông lỏng việc kinh bang,
Không đúng theo danh nghĩa, tiếng vang,
Ví thử bạc vàng đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với ông hoàng.
- 336.** Buông lung lâu quá, hỡi Quân vương!
Từ chánh, ngài đi lạc bước đường,

- Quốc độ phồn vinh ngày trước ấy,
Nay làm mỗi bọn cướp tan hoang.
- 337.** Hoàng nam chẳng hưởng được giang san,
Vàng bạc, lúa ngô, viện bảo tàng,
Quốc độ làm mỗi cho kẻ ác,
Ngài còn bị tước cảnh vinh quang.
- 338.** Ông hoàng bị tước đoạt giang san,
Vớ các kho châu báu, bạc vàng,
Chẳng được niềm tin yêu thuở trước,
Của thân bằng quyến thuộc, lân bang.
- 339.** Quân tượng, mã, xa, với bộ binh,
Bốn quân lúc trước thật hùng anh,
Khi nhìn vua phải tiêu cơ nghiệp,
Cũng chẳng còn vị nể, kính danh.
- 340.** Ngu xuân sống đời chẳng kỷ cương,
Bị lời tà dụ dỗ sai đường,
Người ngu chóng mất vinh quang cũ,
Như rắn phải quăng lớp vỏ tàn.
- 341.** Song kẻ nào thức dậy đúng thời,
Không hề mỗi một, kỷ cương nơi,
Cả đàn gia súc đều tăng trưởng,
Tài sản người kia lớn mãi hoài.
- 342.** Đại đế, xin ngài mở rộng tai,
Lắng nghe dân chúng nói bao lời,
Nhờ nghe nhìn được điều chân lý,
Thành đạt đường theo phước nghiệp ngài.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã giáo hóa vua qua mười một vần kệ rồi bảo:

– Đại vương hãy đi nuôi dưỡng quốc độ, đừng chậm trễ, chớ để đất nước suy tàn!

Nói xong, ngài trở lại cỡi của ngài. Vua nghe các lời khuyên ấy vô cùng cảm kích, ngay hôm sau, ngài liền giao việc nước cho các vị đại thần và cùng với vị tế sư của hoàng gia rời kinh thành bằng Đông môn và đi được một khoảng chừng vài trăm mét. Nhằm lúc ấy có một ông lão vốn là dân làng, lấy những cành cây gai trong rừng về đặt quanh nhà, sát cửa lớn rồi cùng vợ con vào rừng. Buổi chiều, khi quân lính của vua đã bỏ đi, người ấy trở về nhà đến gần cửa, bị đầu gai nhọn đâm vào chân, lão ngồi vắt chân lên, vừa rút gai ra vừa nguyền rủa vua qua vần kệ:

- 343.** Mong tên trùng ở chiến trường,
Cho Pañcāla thọ thương khóc thảm,

Như ta nay bị gai đâm,
Đón đau phải chịu nơi thân của mình.

Lời nguyên rủa vua này phát ra nhờ thần lực của Bồ-tát, lão già nguyên rủa vua như thể một người được Bồ-tát nhập vào, hành động này của lão phải được hiểu như vậy. Vào lúc đó, vua cùng vị tế sư của ngài đang cải trang đứng trước mặt lão. Vị tế sư nghe như vậy liền đáp kệ:

344. Tôn ông nay tuổi đã già,
Và đôi mắt đã yếu nhòa, cho nên,
Chẳng công bằng để xét xem,
Chính ta đáng bị rủa nguyên đó sao?
Chúa Brahmadata biết thế nào,
Khi chân ông bị gai cào đâm da?

Nghe lời này, ông lão ngâm ba vần kệ:

345. Hiền nhiên vì Chúa Brahmadata,
Cho nên mới khổ thân ta thế này,
Như dân cô thế thường hay,
Chịu phần thuế nặng đọa đầy tám thân.

346. Ban đêm bị trộm ăn phần,
Ban ngày gặp lũ thuế nhân thu tiền,
Ác nhân đây rầy toàn miền,
Khi tên bạo chúa nắm quyền trong tay.

347. Khổ đau vì sợ nổi này,
Dân lành đành phải chạy bay vào rừng,
Chung quanh nhà, rải lung tung
Đám gai để được yên thân phận mình.

Nghe nói vậy, vua bảo vị tế sư:

– Nay Sư trưởng, lão già này nói đúng lắm, đó là lỗi của ta. Vậy ta hãy trở về cai trị nước cho đúng pháp!

Lúc ấy, Bồ-tát nhập vào thân của vị tế sư, đứng trước mặt vua bảo:

– Tâu Đại vương, ta hãy xem xét vấn đề này cho kỹ!

Rồi từ làng ấy qua một làng khác, hai vị lại nghe lời của một bà già. Nghe nói bà này nghèo khổ, có hai con gái đã lớn mà bà không muốn cho hai con vào rừng. Nhưng chính bà phải tìm củi, lá khô về cung cấp cho hai con. Một ngày kia, bà lão trèo lên cây lượm lá, bị té lăn tròn xuống đất liền nguyên rủa vua phải chết đi và ngâm vần kệ này:

348. Khi nào vua ấy chết đi,
Chao ôi, còn chúa trị vì non sông?
Các con lẻ bóng phòng không,
Thở than mong kiếm tám chồng hoài hời.

Vị tế sư ngâm vần kệ ngăn lời bà lão:

- 349.** Nói lời xấu bậy, bà ơi!
Không thông chữ nghĩa, kêu trời gào la,
Làm sao vua kiếm đầu ra,
Mỗi chồng cho mỗi gái tơ hời bà?

Bà già nghe nói, đáp lại hai vần kệ:

- 350.** Lời ta chẳng phải ác ngôn,
Ta đây chữ nghĩa cũng thông, thừa ngài,
Khi còn thất thế dân đen,
Chịu phần thuế nặng bao phen chết người.
- 351.** Đêm nằm cho trộm làm môi,
Ban ngày lũ thuế nhân xoi mắt phân,
Ác nhân đầy rẫy non sông,
Khi quyền cai trị hôn quân nắm hoài,
Thời suy, khó dưỡng vợ thay,
Nên con gái lớn tìm ai làm chồng?

Nghe bà lão nói, cả hai vị đều nghĩ: “Bà lão này nói đúng vấn đề đây!”

Rồi hai vị đi xa hơn một quãng đường, lại nghe một gã nông dân nói chuyện. Trong lúc gã cày ruộng, con bò của gã tên gọi Sālīya ngã lăn ra vì bị lưỡi cày đụng phải, gã chủ bò liền nguyên rủa vua qua vần kệ:

- 352.** Cầu Pañcāla ngã lăn,
Trúng nhằm mũi giáo của quân thù hãn,
Như Sālīya ngã xuống đường,
Thương thay, cày đụng bị thương nằm chờ!

Vị tế sư liền ngâm vần kệ chặn gã lại:

- 353.** Người hèn Brahmadatta,
Song ai có thấy đâu là nguyên do?
Chính người phỉ báng đức vua,
Trong khi tội ấy đều là của người.

Nghe thế, gã nông phu đáp ba vần kệ:

- 354.** Vì vua, ta cứ giận sôi,
Nên ta cương quyết giữ lời thẳng ngay,
Dân đen thất thế như vậy,
Bị tàn hại bởi thuế dày khắp nơi.
- 355.** Đêm nằm cho trộm làm môi,
Ban ngày lũ thuế nhân xoi mắt phân.
Toàn miền đầy rẫy ác nhân,
Khi tên bạo chúa trị dân ngang tàng.

356. Gia nô phải nấu hai lần,
Rồi mang com nước muộn màng cho ta,
Lúc ta nôn nóng chờ nhà,
Bò ta bị đụng ắt là mạng toi.

Đi xa hơn một đoạn nữa, hai vị vào một làng kia. Sáng sớm hôm sau, một con bò trở chứng đá người vắt sữa ngã nhào, sữa đổ tung tóe. Người này liền ngâm vắn kệ nguyên rửa Vua Brahmadata:

357. Cầu Pañcāla ngã lăn,
Vì do một mũi kiếm đâm trận tiền,
Như ta, bò đá lăn chiêng,
Đá luôn thùng sữa đổ liền hôm nay.

Vị tế sư ngâm vắn kệ đáp:

358. Này, bò đá gây thúc dai,
Hay là thùng sữa của ngài đổ ra,
Việc gì đến Chúa Brahmadata,
Khiến ngài chịu mọi gièm pha thế này?

Nghe vậy, người vắt sữa bò ngâm ba vần kệ đáp:

359. Pañcāla đáng trách thay,
Vì nên cai trị, thừa ngài La-môn,
Dân lành cô thế thấy luôn,
Bị tàn bởi thuế nặng thân rã rời.
360. Ban đêm bị trộm rình mò,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần.
Toàn miền đầy rẫy ác nhân,
Khi tên bạo chúa trị dân ngang tàng.
361. Hung hăng là thứ bò rừng,
Việc đem vắt sữa, chưa từng trước đây,
Ta đành vắt sữa hôm nay,
Vì nhu cầu sữa mỗi ngày một tăng.

Hai vị bảo nhau:

– Gã này nói đúng đấy.

Rồi từ làng ấy, hai vị đi ra đường cái tiến về kinh thành. Trong một làng nọ, có gã thu thuế giết một con bê con có đốm rồi lột da để làm bao da bọc kiếm, khiến bò mẹ quá buồn khổ vì mất con thơ, bỏ cả ăn cỏ uống nước, chỉ lang thang kêu khóc. Thấy vậy, trẻ con trong làng nguyên rửa vua:

362. Cầu Pañcāla héo mòn,
Hoài công than khóc mất con như vậy,
Bò kia quân trí thương thay,
Đi tìm bê nhỏ, chạy hoài loanh quanh.

Vị tế sư liền ngâm vắn kệ khác:

- 363.** Khi bò trâu phải lạc đàn,
Trước người chăn giữ, lang thang kêu gào,
Vậy thì duyên có làm sao,
Khiến người chê trách nhằm vào vua ta?

Lũ trẻ đáp lại hai vắn kệ sau:

- 364.** Tội tình Brahmadata,
Việc này con thấy rõ ra rành rành,
Bơ vơ khôn đốn dân lành,
Vẫn thường bị thuế nặng hành khổ thôi.
- 365.** Ban đêm bị trộm rình mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xoi mắt phần,
Ác nhân đầy rẫy non sông,
Khi quyền cai trị hôn quân nắm tròn,
Cớ sao bê hầy còn non,
Phải đem giết bỏ, chỉ cần bao da?

– Các người nói đúng đấy.

Hai vị nói xong liền ra đi. Trên đường, họ thấy trong một hồ nước khô cạn, bày quạ đang lấy mỏ bắt ếch nhái ăn thịt. Khi hai vị đến nơi, Bồ-tát vận dụng thần lực [nguyên rủa vua] qua miệng con nhái:

- 366.** Cầu Brahmadata chết chum,
Cùng các con cháu ở trong chiến trường,
Như ta nhái bén rừng hoang,
Làm mồi cho lũ quạ làng hôm nay.

Nghe vậy, vị tế sư ngâm vắn kệ nói chuyện với con nhái:

- 367.** Nhái này, cần biết rõ ràng,
Đại vương không thể bảo toàn chúng sanh,
Việc này vua chẳng tội tình,
Khi bày quạ đớp em anh nhà mày.

Nghe vậy, nhái đáp lại hai vắn kệ:

- 368.** Tế sư lời nịnh khéo thay,
Phỉnh lừa vua chúa như vậy ác gian,
Mặc cho dân bị sát tàn,
Nhà vua cứ tưởng lối đảng quốc sư,
Quả là đệ nhất tài ba,
Giá như có phúc mọi nhà phồn vinh.

- 369.** Nước này an lạc, thái bình,
Quạ kia được hưởng phần mình cực sang,

Có đâu cần phải giết càn,
Các loài nhỏ mọn như đàn ễnh ương?

Nghe vậy, vua và vị tế sư đều nghĩ thầm: “Tất cả mọi loài, ngay cả nhái rùng đều nguyên rửa ta.” Vì thế, khi về thành, hai vị lo cai trị nước thật đúng pháp và hành trì theo lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ. Hai vị chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại với vua xứ Kosala bằng các lời này:

– Nay Đại vương, một vị vua phải dứt bỏ các ác đạo và cai trị đúng pháp.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị thần cây tindu chính là Ta.

